



A MEMBER OF VINASEED GROUP

CÔNG TY CỔ PHẦN  
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN**  
**2025**



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

### Mục lục

|      |   |    |
|------|---|----|
| I.   | Thông tin chung .....   | 4  |
| 1.   | Thông tin khái quát .....   | 4  |
| 2.   | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....  | 8  |
| 3.   | Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....  | 9  |
| 4.   | Định hướng phát triển .....   | 11 |
| 5.   | Các rủi ro.....   | 13 |
| II.  | Tình hình hoạt động trong năm:.....   | 19 |
| 1.   | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....   | 19 |
| 2.   | Tổ chức và nhân sự .....  | 21 |
| 3.   | Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....  | 28 |
| 4.   | Tình hình tài chính .....   | 29 |
| 5.   | Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....   | 31 |
| III. | Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc .....   | 32 |
| 1.   | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....   | 32 |
| 2.   | Tình hình tài chính .....   | 34 |
| 3.   | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....   | 35 |
| 4.   | Kế hoạch phát triển trong tương lai.....  | 35 |
| 5.   | Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán .....   | 36 |
| IV.  | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty .....   | 37 |
| 1.   | Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội..... | 37 |
| 2.   | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.....  | 39 |
| 3.   | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....  | 40 |
| V.   | Quản trị công ty.....   | 42 |
| 1.   | Hội đồng quản trị: .....  | 42 |
| 2.   | Ban Kiểm soát .....   | 47 |
| 3.   | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán .....                  | 49 |
| VI.  | Báo cáo phát triển bền vững.....  | 54 |
| VII. | Báo cáo tài chính .....   | 58 |
| 1.   | Ý kiến kiểm toán.....   | 58 |
| 2.   | Báo cáo tài chính được kiểm toán.....   | 58 |
|      | XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .....  | 58 |

## GIỚI THIỆU

Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam (SSC) tự hào là bạn của nhà nông, với mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp Việt Nam vững chắc, góp phần vào sứ mệnh đưa Việt Nam trở thành quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới. Nhìn lại quãng đường phát triển vừa qua, SSC đã cải tiến chuỗi giá trị, trở thành Công ty được tổ chức theo mô hình nghiên cứu chọn tạo giống – sản xuất – cung ứng hạt giống tiên tiến, nỗ lực tiếp cận để vươn đến trình độ công nghệ hạt giống chất lượng cao của thế giới.

Để thực hiện được những mục tiêu to lớn trên, Công ty nghiên cứu các vùng sinh thái với chất lượng thổ nhưỡng phù hợp để đặt các Chi nhánh, trung tâm nghiên cứu, chọn tạo và sản xuất giống, với cam kết theo đuổi chất lượng sản phẩm và dịch vụ hạt giống tốt nhất, mang lại nhiều giống cây trồng chất cho nông dân và mang lại giá trị toàn thể người lao động và cổ đông. Về mặt phân phối, Công ty chú trọng đáp ứng nhu cầu của nhà nông trong nước đồng thời tiếp tục đưa thương hiệu đi xa hơn trên trường quốc tế tại các nước bạn.

Hơn nữa, SSC luôn tự hào trong suốt hành trình đổi mới và phát triển, là một nền văn hóa doanh nghiệp gắn kết để thành công. Mọi thứ chúng tôi cùng các nhà khoa học có và đang làm tại SSC được vun đắp bởi niềm tin vào một tương lai tốt đẹp và niềm say mê cống hiến không ngừng trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất trên thị trường.

## TÂM NHÌN

Trở thành một trong ba công ty giống hàng đầu cung cấp các loại hạt giống lúa, bắp, rau và hoa chất lượng cao với mục tiêu nâng cao giá trị nông sản, phát triển bền vững cho nông dân Việt Nam.

## SỨ MỆNH

Chọn tạo, sản xuất và cung ứng hạt giống tốt, cùng nhà nông làm giàu.

## TRIẾT LÝ KINH DOANH

- Đặt lợi ích nhà nông làm nền tảng cho sự phát triển.
- Tối đa hóa giá trị dài hạn của Công ty.
- Tạo môi trường làm việc để cán bộ nhân viên phát triển và có thu nhập tương xứng.
- Lấy mức độ chuyên nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá lãnh đạo và cán bộ nhân viên.
- Có trách nhiệm và chia sẻ thành công với cộng đồng.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Bản sắc văn hóa: **Đổi mới - Minh bạch**
- Thái độ với khách hàng và đối tác: **Chuyên nghiệp – Trung thực – Tận tụy – Hợp tác – Phát triển**
- Thái độ đối với công việc: **Trách nhiệm – Chủ động – Sáng tạo – Đam mê – Hiệu quả**
- Thái độ đối với đồng nghiệp: **Tôn trọng – Hợp tác – Tin cậy – Học hỏi – Tương trợ**
- Thái độ đối với cổ đông và nhà đầu tư: **Trung thành – Minh bạch**

## NỘI DUNG

### I. Thông tin chung:

#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM**
- Tên tiếng anh: **SOUTHERN SEED CORPORATION**
- Mã chứng khoán: SSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 0302634683 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 24/06/2002, thay đổi lần thứ 14, ngày 20/01/2026
- Vốn điều lệ: 149.923.670.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 149.923.670.000 VND
- Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028) 38442414
- Website: <https://ssc.com.vn/>

#### Quá trình hình thành và phát triển:

| Năm  | Sự kiện   |
|------|---|
| 1976 | Công ty Giống cây trồng phía Nam được thành lập vào ngày 14/05/1976 với nhiệm vụ cung ứng giống cây trồng cho các tỉnh phía Nam từ Thành phố Đà Nẵng trở vào.   |
| 1978 | Công ty Giống cây trồng phía Nam được hợp nhất và trở thành Chi nhánh 1 của Công ty Giống cây trồng Trung Ương trực thuộc Bộ Nông Nghiệp.   |
| 1981 | Công ty đổi tên thành Xí nghiệp Giống cây trồng I.  |
| 1989 | Thành lập Công ty Giống cây trồng Trung Ương II.  |
| 1993 | Công ty đổi tên thành Công ty Giống cây trồng miền Nam.   |
| 1995 | Ngày 01/03/1995, Công ty vinh dự trở thành Thành viên Hiệp hội Giống cây trồng Châu Á Thái Bình Dương (APSA).   |
| 2002 | Ngày 23/08/2002, Công ty trở thành Thành viên Hiệp hội giống cây trồng Việt Nam.<br>Công ty tiến hành cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam SSC với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng, là công ty lớn nhất của ngành Giống cây trồng Việt Nam. |
| 2005 | Tháng 3/2005, Công ty chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán là SSC.   |

|      |  |
|------|--|
| 2007 | Công ty phát hành 4.000.000 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của công ty lên 100.000.000.000 đồng.   |
| 2010 | Công ty phát hành thêm 4.499.427 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và 492.940 cổ phiếu ưu đãi cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Cán bộ công nhân viên, nâng vốn điều lệ lên 149.923.670.000 đồng.   |
| 2012 | Công ty được công nhận là Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ.<br>Thành lập chi nhánh Cambodia và Chi nhánh miền Trung.  |
| 2013 | Thành lập Văn phòng Đại diện tại Lào và Chi nhánh Trung tâm Giống Rau Hoa – SSC.   |
| 2014 | Thành lập Nhà máy chế biến Trà Vinh, vinh dự được nhận huân chương Độc lập Hạng Ba.  |
| 2015 | Công ty thành lập Phòng Marketing và Phát triển sản phẩm. Bên cạnh đó, Công ty tiến hành sáp nhập Trung tâm Giống Rau Hoa vào Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng miền Nam và thành lập trại Giống cây trồng Tân Hiệp (Bình Dương).   |
| 2016 | Công ty tiếp nhận Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long của NSC.   |
| 2017 | Vinh dự được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn trao tặng Bằng khen Doanh nghiệp đã có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, góp phần phát triển nền nông nghiệp nông thôn (theo Quyết định số 5077/QĐ-BNN-TC, ngày 06/12/2017).   |
| 2018 | Chủ tịch UBND TP.HCM tặng Chứng nhận Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh Tiêu biểu năm 2018 (Quyết định số 4386/QĐ-BNN-TCCB, ngày 06/10/2018).<br>Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tặng Danh hiệu Doanh nghiệp vì Nhà nông (Quyết định số 4263/QĐ-BNN-TCCB, ngày 30/10/2018).<br>Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt nam 2018 (Quyết định số 4264/QĐ-BNN-TCCB, ngày 30/10/2018).   |
| 2019 | SSC vinh dự là 1 trong 259 doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin.<br>Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng miền Nam (SRC) của SSC sáp nhập với Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (viết tắt là VRDC).<br>Thành lập Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (VINARICE) từ một số phòng chức năng, Chi nhánh của SSC tại Cụm Công nghiệp Trường Xuân, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. VINARICE là công ty thuộc Tập đoàn Vinaseed. |

|      |   |
|------|---|
| 2020 | <p>Chuyển giao thị trường 13 tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long cho Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (Vinarice) vào tháng 01/2020. SSC đầu tư 99 tỷ đồng và chiếm 30% trong tổng vốn điều lệ của Vinarice.</p> <p>Thành lập Chi nhánh Trung tâm Kinh doanh và Phát triển Hạt giống Rau Hoa (viết tắt CTVS), hoạt động từ ngày 01/07/2020.</p>  |
| 2021 | <p>Tăng cường mảng sản xuất, kinh doanh rau hoa tại Chi nhánh Lâm Hà theo định hướng chiến lược của Tập đoàn PAN.</p> <p>Đầu tư xây dựng Trung tâm Nghiên cứu Lúa Cờ Đỏ, phục vụ cho công tác nghiên cứu lúa khu vực ĐBSCL của Tập đoàn Vinaseed &amp; các Công ty thành viên SSC, Vinarice.</p>  |
| 2022 | <p>Tập trung hoàn thiện Hệ thống chế biến tại Chi nhánh Cờ Đỏ với các máy móc thiết bị hiện đại, gia tăng năng suất tạo ra thành phẩm hạt giống chất lượng.</p> <p>Củng cố và khai thác hiệu quả Chi nhánh Phú Giáo, Chi nhánh Lâm Hà thông qua quy hoạch cải tạo đất và đầu tư công nghệ canh tác mới.</p> <p>SSC ký kết hợp tác phát triển sản phẩm, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu với Trung tâm Công nghệ sinh học TP.HCM – Biotech.</p> |
| 2023 | <p>Đầu tư xây dựng Nhà lưới, diện tích 02 ha sản xuất ớt chuông thương phẩm Chi nhánh Lâm Hà; mở thêm ngành hàng mới của Công ty ngoài hoạt động chính là sản xuất kinh doanh hạt giống cây trồng.</p> <p>Cải tạo văn phòng Chi nhánh miền Trung, xây dựng hệ thống lò sấy vĩ ngang 90 tấn/mẻ để khai thác hiệu quả cơ sở vật chất hiện có.</p>   |
| 2024 | <p>Cải tạo văn phòng Chi nhánh miền Trung, xây dựng hệ thống lò sấy vĩ ngang 90 tấn/mẻ để khai thác hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, lắp đặt máy chế biến CL3, tối ưu công tác chế biến hàng hóa phục vụ kinh doanh.</p> <p>Củng cố và khai thác hiệu quả Chi nhánh Củ Chi thông qua đầu tư máy tách màu hạt giống.</p>   |
| 2025 | <p>Mở văn phòng đại diện và chuyển văn phòng làm việc địa chỉ mới của Hội sở tại Tầng 5 Tòa nhà Orchard Parkview, số 130-132 Hồng Hà, Phường Đức Nhuận TP.HCM.</p>  |

### Giải thưởng đạt được

Suốt những năm qua, với những nỗ lực đóng góp trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, Công ty đã vinh dự đón nhận phần thưởng cao quý của Đảng, Chính phủ, ghi nhận của cộng đồng doanh nghiệp với những đóng góp của SSC đối với cộng đồng, xã hội.

### Huân chương lao động

- 1980: Chủ Tịch nước tặng Huân chương Lao động Hạng 3 cho Công ty. SSC là đơn vị thành viên Công ty Giống cây trồng Trung Ương.
- 2001: Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng 1 cho Công ty.
- 2005: Chủ Tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động cho tập thể CBNV Công ty.

- 2013: Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập Hạng 3 cho Công ty.
- 2014: Đón nhận Huân chương Độc lập Hạng ba và Lễ Khánh thành Trung tâm Giống Rau Hoa – SSC.

### **Danh hiệu Doanh nghiệp vì nhà Nông:**

- 2018: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng Danh hiệu Doanh nghiệp vì nhà nông.

### **Bằng khen bộ trưởng**

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tặng bằng khen đạt Thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, góp phần phát triển nông nghiệp, nông thôn.
- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam.
- Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ tặng Bằng khen tập thể đã có nhiều thành tích trong ứng dụng và kết nối cung cầu công nghệ.
- Giải thưởng “Thương hiệu Bạn nhà nông Việt Nam” do Bộ Công Thương trao tặng.



### **Xếp hạng doanh nghiệp**

- 2008: Cúp vàng “Thương Hiệu Chứng Khoán Uy Tín & Công Ty Cổ Phần hàng đầu Việt Nam”.
- 2008: Danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam – Lào – Cambodia” năm 2008 do Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ công nhận.

### **Xây dựng nông thôn mới**

- 2015: Bằng khen Doanh nghiệp đã có đóng góp tích cực Xây dựng Nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2015, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ Quốc (theo Quyết định số 1142/QĐ-TTg, ngày 21/07/2015) do Thủ tướng Chính phủ phong tặng.
- 2015: Bằng khen đã có thành tích trong phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới" Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và Bảo vệ Tổ quốc (theo Quyết định số 1687/QĐ-TTg, ngày 01/11/2015) do Thủ tướng Chính phủ phong tặng.

### **Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam**

- 2018: Vinh dự nhận giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam.

### **Bằng khen xây dựng & triển khai cánh đồng lớn 2020**

Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận trao tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng và triển khai Cánh đồng lớn giai đoạn 2018 – 2020.

**Giấy Khen của Sở NN-PTNT tỉnh Hậu Giang** đã có nhiều đóng góp trong 20 năm xây dựng và phát triển khuyến nông tỉnh Hậu Giang (*Quyết định số 354/QĐ-SNNPTNT, ngày 25/8/2023 của Sở NN-PTNT tỉnh Hậu Giang*).



**Sản phẩm giống lúa Đài Thơm 8 đạt Thương hiệu Vàng Nông nghiệp Việt Nam năm 2023**  
(Quyết định số: 405/THNNVN, ngày 18/10/2023 của Tổng Hội Nông nghiệp & PTNT Việt Nam).

**Sản phẩm giống lúa Đài Thơm 8 đạt Thương hiệu Vàng Nông nghiệp Việt Nam năm 2024**  
(Quyết định số: 505/THNNVN, ngày 01/10/2024 của Tổng Hội Nông nghiệp & PTNT Việt Nam).

**Thương hiệu SSC đạt Thương hiệu Vàng Nông nghiệp Việt Nam năm 2025** (Quyết định số: 36-25/SIDECM, ngày 24/4/2025 của Viện Kinh tế và Văn hóa).

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

### a. Ngành nghề kinh doanh:

Hiện tại, Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam kinh doanh ở 2 lĩnh vực:

- Hạt giống cây trồng: Nghiên cứu, lai tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại (lĩnh vực chính).
- Nông sản, vật tư và dịch vụ nông nghiệp: Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong canh tác và kinh doanh nông sản theo chuỗi giá trị khép kín; Kiểm tra chất lượng hạt giống, cây giống; Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật và phân bón; Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản; Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp.

### b. Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn hoạt động kinh doanh của SSC chủ yếu nằm ở các tỉnh Đông Nam bộ, Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và một số quốc gia trong khu vực như Lào và Cambodia. Không chỉ đảm bảo nguồn cung ứng hạt giống trong nước, SSC có mục tiêu mở rộng ra thị trường quốc tế, đưa các sản phẩm bản quyền của Việt Nam được tiếp cận nhanh tới các thị trường mới.

| STT | Địa bàn hoạt động         | Tỷ lệ doanh thu (%) |
|-----|---------------------------|---------------------|
| 1   | Vùng Đông Nam Bộ          | 36%                 |
| 2   | Vùng Duyên hải miền Trung | 22%                 |
| 3   | Vùng Tây Nguyên           | 7%                  |
| 4   | Cambodia                  | 8%                  |
| 5   | Đồng bằng Sông Cửu Long   | 19%                 |
| 6   | Các vùng khác             | 9%                  |

### c. Các chi nhánh, văn phòng của Công ty

Hiện tại, công ty đang sở hữu nhiều chi nhánh, văn phòng khắp trong địa bàn kinh doanh với mục tiêu đáp ứng nguồn cầu tại từng khu vực một cách tốt nhất, cụ thể, công ty có tổng cộng có 11 chi nhánh, văn phòng.

| STT | Chi nhánh            | Địa chỉ  |
|-----|----------------------|--|
| 1   | Chi nhánh Miền Trung | Cụm CN Trảng Nhật 2, phường Điện Bàn Bắc, Thành phố Đà Nẵng. |
| 2   | Chi nhánh Củ Chi     | 896, đường Phan Văn Khải, ấp Phước Lộc, xã Thái Mỹ, Tp. HCM. |

|    |   |   |
|----|---|---|
| 3  | Chi nhánh Cờ Đỏ                               | Ấp An Thạnh, xã Thạnh Phú, Tp. Cần Thơ.   |
| 4  | Chi nhánh Cai Lậy                             | Phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp.   |
| 5  | Chi nhánh Lâm Hà                              | Thôn Tân Lập, xã Đình Văn Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.                                |
| 6  | Chi nhánh Phú Giáo                            | Ấp 5, xã Phước Thành, Tp. HCM.  |
| 7  | Trung tâm Nghiên cứu Giống Cây trồng miền Nam | Xã Nhuận Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.  |
| 8  | Chi nhánh Trà Vinh                            | Lô C, đường số 1, KCN Long Đức, phường Long Đức, tỉnh Vĩnh Long.                |
| 10 | Chi nhánh Cambodia                            | số 2A đường Toul Pongro, Chom Chao, Khan Po Sanchey, PhnomPenh.                 |
| 11 | Văn phòng đại diện TP.HCM                     | Tầng 5 Tòa nhà Orchard Parkview, số 130–132 Hồng Hà, Phường Đức Nhuận, Tp. HCM. |

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

#### a. Mô hình quản trị

Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam hoạt động theo mô hình quản trị được xây dựng và tổ chức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp hiện hành với các vị trí quan trọng gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Là một Công ty đại chúng niêm yết khá lâu trên thị trường chứng khoán, Công ty áp dụng chặt chẽ, bám sát quy định, hướng dẫn của các Quy định hiện hành về cấu trúc Hội đồng quản trị cũng như vai trò của Ban Kiểm soát. Cụ thể:

**Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** ĐHCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

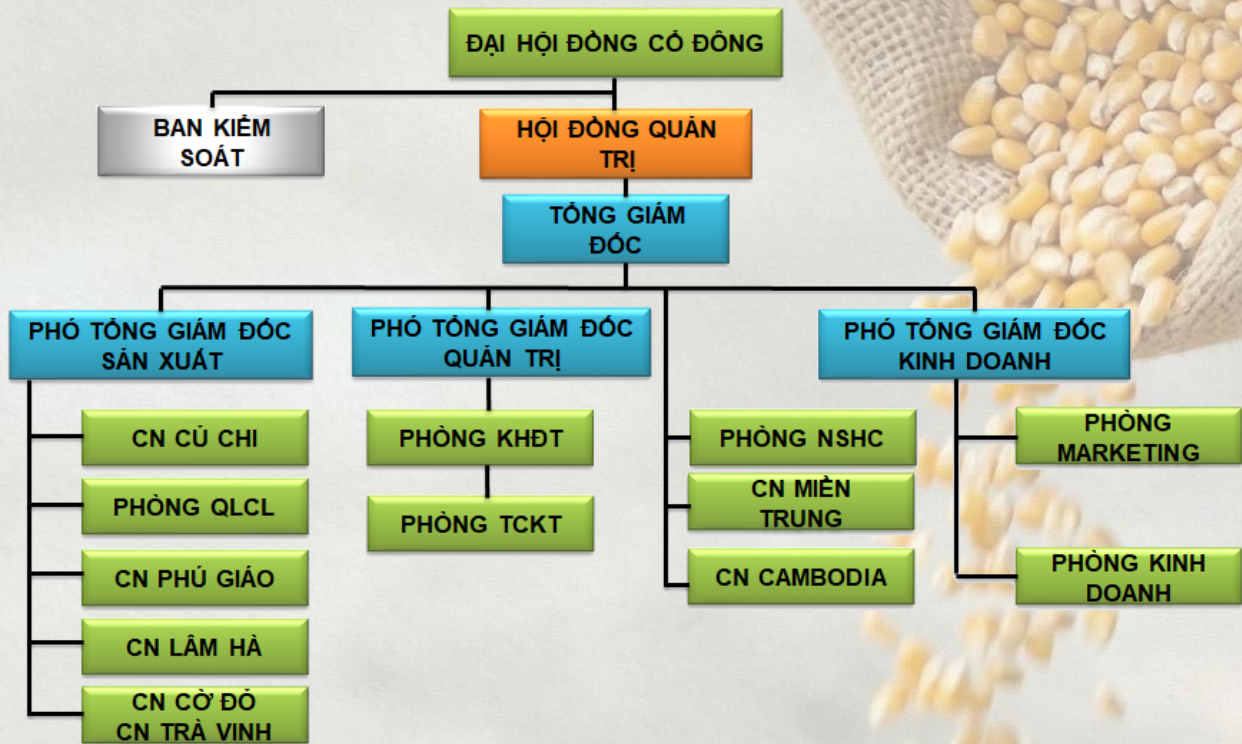
**Hội đồng quản trị (HDQT):** HDQT là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Số lượng thành viên HDQT Công ty là 05 thành viên. Trong đó, có 1 thành viên HDQT độc lập và 2 thành viên không điều hành. HDQT chịu trách nhiệm giám sát và chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty.

**Ban kiểm soát (BKS):** BKS cũng là một thiết chế quan trọng đóng vai trò kiểm tra, giám sát hoạt động của HDQT và Tổng Giám đốc bao gồm 03 thành viên không phải là người có liên quan đến các thành viên HDQT, Tổng Giám đốc, hoạt động độc lập với bộ máy điều hành và có chức năng quan trọng là thực hiện công tác giám sát để bảo vệ quyền lợi cho cổ đông, bảo vệ công ty và những người có quyền lợi liên quan đến SSC.

**Tổng Giám đốc (BTGD):** Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần giống cây trồng miền Nam là người điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty có 01 Tổng Giám đốc do HDQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HDQT và ĐHCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

#### b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

# Cơ cấu tổ chức của SSC



## c. Các công ty con, công ty liên kết:

| TT                      | Tên Công ty  | Địa chỉ   | Lĩnh vực SXKD chính  | VĐL thực góp (Đồng) | Tỷ lệ sở hữu của Công ty (%) |
|-------------------------|--|---|--|---------------------|------------------------------|
| <b>Công ty con</b>      |  |   |  |                     |                              |
| <b>Công ty liên kết</b> |  |   |  |                     |                              |
| 1                       | <b>Công ty cổ phần Cơ Khí Giồng cây trồng Miền Nam (SSE) (*)</b> | 282 Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh    | Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị | 3.349.764.000       | 83,74%                       |
| 2                       | <b>Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (Vinarice)</b>                  | Cụm công nghiệp Trường Xuân, xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp | Chế biến kinh doanh hạt giống và nông sản  | 99.000.000.000      | 30%                          |

(\*) Công ty cổ phần Cơ khí Giồng cây trồng miền Nam (SSE): đã thực hiện phá sản theo Quyết định số 18/2025/QĐ-TBPS, ngày 29/9/2025 của Tòa án Nhân dân TP.HCM v/v tuyên bố phá sản doanh nghiệp.



#### 4. Định hướng phát triển:

##### a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Duy trì tốc độ tăng trưởng dương: Doanh thu tăng trưởng bình quân hơn 20% (tỷ lệ sản phẩm độc quyền là >80%).

Tăng trưởng sản phẩm chủ lực (bắp, rau, đậu) có tỷ suất lợi nhuận cao, để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng hàng năm bình quân 20% .

Tập trung phát triển sản phẩm mới:

- + Bắp nếp: CX247, Max 68, SSC 287, Bắp nếp dẻo HN66, Diamond 999, Darling 10.
- + Bắp vàng: SSC 586 sinh khối.
- + Lúa lai: KCR06-1, HR182.
- + Nhóm rau: Bí Pum 888, bí đao lai F1 Wax 242, Bí đỏ Pum 2204, Bí ăn non Pu01, bí ăn nụ SSC08, Ớt Rocket 358, dưa leo CUC 68.
- + Lúa thuần: Đài Thom 8, Hương Châu 6, VN121, OM34, VNR98, VNR96, LS70.

Lợi nhuận biên (lãi gộp): trên 30%.

Chi phí bán hàng: tối đa 10% trên doanh thu thuần hàng năm.

Chi phí quản lý: tối đa 13% trên doanh thu thuần hàng năm.

##### b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

###### Chiến lược năm 2025, tầm nhìn đến 2030:

Mục tiêu giai đoạn 5 năm từ 2025 – 2030 của Công ty là duy trì tốc độ tăng trưởng tối thiểu cả quy mô, lợi nhuận bình quân là 20%. Đến 2030 quy mô SSC tăng trưởng gấp đôi, tương đương: Doanh thu: 900 – 1.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế từ 140 – 170 tỷ đồng.

### Phương hướng:

Để hoàn thành các mục tiêu nêu trên, Công ty cần phải tập trung vào những phương hướng chủ yếu sau đây:

- Tiếp tục chú trọng công tác phát triển công tác **quản trị nguồn nhân lực** để có thể đảm bảo đầy đủ số lượng và chất lượng nhân sự theo hướng tinh gọn và có năng lực, có kỹ năng nhằm thực hiện thành công kế hoạch SXKD trong năm 2025.
- Khai thác và tối ưu cơ sở vật chất; Đầu tư nâng cấp, đổi mới thiết bị công nghệ, xây dựng mở rộng cơ sở vật chất **kho tàng, máy móc thiết bị** phục vụ công tác sản xuất–chế biến–bảo quản kinh doanh hạt giống bắp, rau, màu và công tác quản lý.
- **Tập trung chiến lược kinh doanh sản phẩm chủ yếu** là bắp, rau màu; đầu tư đủ nhân lực, cơ sở vật chất để tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ sinh học hỗ trợ hoạt động chọn tạo giống.
- **Phát triển các sản phẩm mới** VNR98, VNR86, Diamond999, HN66. Tiếp tục phát triển Bắp vàng cho chăn nuôi; lúa thuần OM34,
- **Duy trì và mở rộng vùng nguyên liệu** có điều kiện sinh thái phù hợp để sản xuất hạt giống lai; Nâng cao duy trì nhà xưởng thiết bị để phục vụ CBBQ.
- Triển khai các **ứng dụng chuyển đổi số** để nâng cao năng lực quản trị tại hội sở và các đơn vị trực thuộc.

### c. Các mục tiêu phát triển bền vững

Hoạt động sản xuất gắn với môi trường: Trong bối cảnh thời tiết ngày càng khó lường, SSC tập trung nghiên cứu và lai tạo các giống cây có khả năng thích nghi với biến đổi khí hậu, chống chịu đất nhiễm mặn và sâu bệnh tốt hơn. Một giống lúa tốt có thể giảm đáng kể phân bón và thuốc BVTV, giảm lượng giống sạ, từ đó giảm phát thải trên đồng ruộng. Đồng thời, Công ty không ngừng cải tiến quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, hướng tới xây dựng mô hình “sản xuất xanh” cho tương lai thông qua áp dụng cơ giới hóa, cải tiến kỹ thuật canh tác tiết kiệm điện, nước, nâng cao hiệu suất sử dụng tài nguyên môi trường.

Đối với người lao động: Công ty cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định theo Bộ Luật Lao động và Luật Bảo hiểm Xã hội, đảm bảo quyền lợi về thời giờ làm việc và chế độ bảo hiểm cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng tạo ra một môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ và trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ cần thiết trong quá trình sản xuất. Đồng thời, Công ty cũng quan tâm đến đời sống tinh thần của nhân viên qua việc tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao nội bộ.

Đối với cộng đồng, xã hội: Công ty nỗ lực hỗ trợ cộng đồng thông qua các hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ cộng đồng địa phương. Về lâu dài, Công ty hướng đến cải thiện sinh kế của nông dân bằng cách hỗ trợ canh tác, kỹ thuật cho bà con thông qua các buổi tập huấn miễn phí tại địa bàn, cung cấp nguồn giống chất lượng và hỗ trợ tiêu thụ bền vững, thúc đẩy xuất khẩu sang các thị trường phát triển, tăng nguồn thu nhập và cải thiện đời sống cho bà con nông dân.

Trong mối quan hệ với nhà đầu tư/cổ đông hiện hữu: Công ty luôn nỗ lực công khai và minh bạch thông tin theo đúng quy định của luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, hạn chế bất cân đối thông tin giữa nhà đầu tư và doanh nghiệp. Công ty cam kết không ngừng nâng cao năng lực quản trị đáp ứng lợi ích của tất cả các bên liên quan.

## CÁC RỦI RO



### 5. Các rủi ro

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Công ty luôn đối mặt nhiều rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, các yếu tố như quy hoạch vùng kinh tế, quyền sở hữu trí tuệ, biến đổi khí hậu, và sâu bệnh... đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

#### a. Rủi ro kinh tế & thị trường

##### 1. Biến động giá cả và thị trường toàn cầu

- **Giá nông sản chịu áp lực giảm và biến động:** Dự báo giá chỉ số giá nông sản toàn cầu có thể giảm khoảng 4% trong năm 2025, nhưng mức này vẫn dễ biến động do nhiều tác động địa chính trị và khí hậu. Giá đầu vào như phân bón có thể tăng cao hơn trước khi ổn định lại.
- **Thương mại và rủi ro thuế quan,** Chiến tranh thương mại, thuế chống bán phá giá, và căng thẳng thương mại tiếp tục tạo rủi ro cho xuất khẩu nông sản. Điều này làm giảm nhu cầu tại thị trường chính và dẫn đến biến động tài chính cho nhà sản xuất.
- **Yêu cầu chất lượng và truy xuất nguồn gốc** Các thị trường phát triển siết chặt tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, giảm khí thải, và tiêu chuẩn bền vững, đặt ra chi phí tuân thủ cao hơn cho doanh nghiệp xuất khẩu.

##### 2. Rủi ro từ biến đổi khí hậu và thiên tai

- **Thời tiết cực đoan ảnh hưởng lớn:** Chi phí thiệt hại do thời tiết cực đoan như hạn hán, lũ lụt, nhiệt độ cao gia tăng mạnh, gây tổn thất lớn cho nông dân tại các khu vực trọng điểm. Chỉ riêng ở EU, chi phí do thời tiết cực đoan lên tới ~28 tỷ EUR mỗi năm đối với nông nghiệp.
- **Tài nguyên nước suy giảm:** Nguy cơ hạn hán kéo dài và thiếu nước là một trong những rủi ro nghiêm trọng nhất đối với năng suất cây trồng và vật nuôi, ảnh hưởng đến sản lượng và giá thành sản xuất.

### 3. Rủi ro vĩ mô – kinh tế

- **Tăng chi phí đầu vào** Giá năng lượng, vận tải, và chi phí đầu vào như phân bón có thể tiếp tục biến động do rủi ro địa chính trị và đứt gãy chuỗi cung ứng, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất nông nghiệp.
- **Sức mua và nhu cầu thị trường:** Nếu tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại ở nhiều nền kinh tế, sức tiêu thụ nông sản có thể giảm, kéo theo áp lực giảm giá hoặc giảm sản lượng xuất khẩu.
- **Rủi ro chuỗi cung ứng:** Đứt gãy trong chuỗi logistic quốc tế (vận tải biển – hàng không) do lịch trình vận tải, xung đột, hoặc chính sách hạn chế nhập khẩu có thể gây **tắc nghẽn hàng hóa và tăng chi phí kho bãi, vận chuyển.**

#### Các Rủi ro “chuyên sâu” khác

- **Bệnh dịch vật nuôi và sinh học:** Năm 2025 ghi nhận các vấn đề bệnh dịch ở vật nuôi, đặc biệt ở châu Âu, làm giảm cung thịt và gia tăng chi phí kiểm soát dịch bệnh.
- **Thiếu lao động và chi phí nhân công:** Ngành nông nghiệp ở nhiều nước đang gặp khó trong việc tuyển dụng lao động chuyên môn, đẩy chi phí nhân công và rủi ro vận hành lên cao.
- **Rủi ro chính sách & đầu tư:** Chính sách phụ trợ, trợ cấp nông nghiệp hoặc thay đổi thuế nhập khẩu/xuất khẩu có thể gây biến động lớn cho kế hoạch sản xuất, đầu tư dài hạn và thu nhập nông dân.

Chính sách quản trị rủi ro: Đối với các rủi ro từ thị trường vĩ mô, Công ty liên tục theo dõi và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp, thực hành nghiên cứu hạt giống phù hợp với xu hướng thị trường thay đổi. Cụ thể, Công ty điều chỉnh kế hoạch tập trung phát triển sản phẩm chiến lược như rau, đậu để thích ứng với rủi ro thay đổi cơ cấu canh tác nông nghiệp hữu cơ. Đồng thời, Công ty cũng liên tục phân phối ra thị trường các giống mới như bắp nếp lai F1 Diamond 999, lúa lai KCR06-1, dưa hấu lai Ròng Đỏ để thay thế các sản phẩm có hiệu suất kinh tế thấp. Đồng thời tìm hiểu thị hiếu của nông dân, gắn liền với các tiêu chuẩn lúa gạo xuất khẩu nhằm định hướng nguồn giống phù hợp cho lai tạo, quản lý hàng tồn kho các loại hạt giống chặt chẽ và hợp lý theo dự báo ngành nông nghiệp trong năm.

#### b. Rủi ro đặc thù ngành

##### Rủi ro nguyên vật liệu

Nguyên liệu đầu vào quan trọng nhất của SSC là hạt giống, làm cơ sở cho công tác lai tạo và phát triển sản phẩm. Đặc trưng doanh nghiệp trong thị trường phân phối hạt giống liên tục phải lai tạo, nghiên cứu, hoặc nhập khẩu hạt giống từ nước ngoài về để thử nghiệm, đưa ra thị trường sản phẩm chất lượng ngày một nâng cao. Tốc độ thay thế các dòng hạt giống là rất nhanh qua từng vụ mùa, thị trường giống đào thải tự nhiên các chủng yếu hơn nếu có doanh nghiệp cạnh tranh khác tung ra sản phẩm vượt trội.

Các chuyên gia cho rằng, hệ thống sản xuất giống ở nước ta tuy nhiều nhưng năng lực còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn của sản xuất hàng hóa hướng xuất khẩu. Với lúa, hơn 95% giống; bắp hơn 60% giống sản xuất trong nước và chất lượng bảo đảm theo tiêu chuẩn Việt Nam. Tuy nhiên, khâu yếu nhất của nước ta với ngành hàng hạt giống đó là giống rau, hoa. Hiện, chúng ta phải nhập khoảng 90% hạt giống loại này với giá trị vài chục triệu USD, mặc dù Việt Nam có những vùng khí hậu (vùng núi cao phía bắc, Đà Lạt) có thể sản xuất được hạt giống các loại rau cận ôn đới. Nhìn chung, hạt giống trong nước một phần được lai tạo và phần còn lại chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc, điều này làm tăng rủi ro về khả năng thích nghi của giống và tác động giá cả nguyên vật liệu.

Thứ nhất, việc nhập khẩu giống từ nước ngoài về nghiên cứu lai tạo chịu rủi ro đáng kể về thời

tiết, điều kiện thổ nhưỡng khiến cho hạt giống không thể phát huy được hết tính trạng trội so với khi ở vùng đất gốc. Các chuyên gia mất thời gian nghiên cứu và tìm kiếm các nguồn giống tốt nhưng lại không thể canh tác thực tế ở những vùng miền địa phương Việt Nam, gây lãng phí tài nguyên và công sức đầu tư.

Thứ hai, chi phí nhập khẩu được phản ánh vào giá nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất, tác động đáng kể đến giá cả đầu ra của sản phẩm. Thêm vào đó, chính sách nhập khẩu cũng đóng vai trò quan trọng trong việc ảnh hưởng đến cả chi phí sản xuất và giá bán cuối cùng. Điều này đặt ra một thách thức lớn cho Công ty, khi phải đối mặt với rủi ro từ biến động thị trường quốc tế.

**Chính sách quản trị rủi ro:** Nhằm giảm thiểu rủi ro từ nguồn giống nhập khẩu, SSC tăng cường các hoạt động nghiên cứu, hỗ trợ lai tạo hạt giống tại các viện khoa học nội địa. Công ty duy trì mối quan hệ hợp tác chiến lược với các trung tâm nghiên cứu, trường đại học, ký kết các thỏa thuận góp phần phát triển giống cây trồng trong nước. Cụ thể, Công ty đã ký kết thỏa thuận với Trung tâm Công nghệ sinh học TP.HCM với nội dung hợp tác phát triển sản phẩm hạt giống rau màu, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu giữa các đơn vị. Đồng thời, Công ty cũng sở hữu những vùng sản xuất giống cây trồng, hướng dẫn nông dân sản xuất theo đúng kỹ thuật tiêu chuẩn, đảm bảo chất lượng hạt giống. Từ đó, hỗ trợ công ty đảm bảo nguồn cung và chất lượng cho nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty.

### **Rủi ro cạnh tranh**

Mỗi năm, số lượng giống được phát hành mới ra thị trường đại chúng tương đối lớn, đồng nghĩa với áp lực cạnh tranh căng thẳng giữa các công ty phân phối hạt giống. Chi xét riêng giống lúa, từ 01/01/2020 đến 28/5/2024 có 267 giống lúa được công nhận theo Luật Trồng trọt, trong đó: Công nhận lưu hành 152 giống. SSC chịu áp lực đối thủ rất lớn, đặc biệt với các cây trồng phổ biến như lúa, bắp, đậu. Doanh nghiệp trong ngành liên tục nghiên cứu cho ra thị trường các dòng sản phẩm với năng suất cao hơn, khả năng kháng sâu bệnh, chống chịu phèn mặn hay biến đổi khí hậu,... Một năm có từ 2 – 3 vụ tùy theo từng loại cây trồng khiến tốc độ giống bị đào thải rất nhanh, cũng đồng nghĩa một giống có hiệu quả vượt trội có thể chiếm lĩnh thị trường và mang về lợi nhuận đáng kể. Công ty phân phối giống đòi hỏi phải liên tục nghiên cứu giống mới hiệu quả hơn để không mất thị phần cho các công ty đối thủ, và tiến hành điem canh tác trình diễn quảng cáo giống mới cho nông dân để tối ưu hóa hiệu quả doanh thu của từng dòng giống.

**Chính sách quản trị rủi ro:** Bối cảnh thị trường yêu cầu SSC đầu tư vào công tác nghiên cứu và thực nghiệm, nâng cao hiệu quả sản xuất, lai tạo hạt giống. Công ty vẫn duy trì hợp tác với các trường đại học, các viện nghiên cứu, các tập đoàn đa quốc gia trong lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng, khai thác nguồn gen, đào tạo nguồn nhân lực và tìm kiếm công nghệ từ khâu nghiên cứu đến sản xuất, chú trọng đầu tư để đạt được mục tiêu ổn định về cả sản lượng lẫn chất lượng trong dài hạn. Đồng thời, chủ động lắng nghe, quan tâm đến nhu cầu của người canh tác và thị trường. Từ đó, đặt định hướng cải tiến kỹ thuật công nghệ, tạo ra chiến lược đúng đắn để gia tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

### **Rủi ro hàng giả**

Chất lượng của nông sản được quyết định rất nhiều bởi hạt giống ban đầu. Một lúa giống được nghiên cứu và sàng lọc kỹ lưỡng, kiểm định chất lượng đồng nhất có thể đảm bảo khả năng chống chịu lại các giống sâu bệnh cơ bản. Tiêu biểu như giống Đài Thơm 8 của SSC có khả năng kháng đạo ôn, rầy nâu, nở bụi mạnh, cho phẩm chất gạo tốt. Song, tồn tại rủi ro các thương lái bao tiêu nhập các sản phẩm không rõ nguồn gốc, đóng vào bao bì chính hãng hoặc bao trắng, chất lượng kém phân phối cho nông dân có thể gây ảnh hưởng trọng yếu tới năng suất canh tác của họ. Hậu

quả phổ biến là sâu bệnh nhiều hơn trên đồng ruộng, chi phí khử lẫn cao hơn, chất lượng nông sản không ổn định cho mục đích xuất khẩu lâu dài, trong điều kiện bất lợi, sản phẩm đầu ra có thể bị ép giá hoặc từ chối thu mua do nông sản không đảm bảo. Rủi ro hàng giả không những ảnh hưởng đến sinh kế của bà con nông dân, mà còn làm tổn hại đến niềm tin của họ dành cho các doanh nghiệp phân phối giống.

Công tác thanh tra kiểm tra về chất lượng giống trong thời gian qua mặc dù đã được Bộ Nông nghiệp & Môi trường chỉ đạo quyết liệt nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu do quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh giống chưa chặt chẽ; sự phối hợp giữa các cơ quan Trung ương và địa phương thiếu thống nhất và hiệu quả. Tình trạng giống kém chất lượng vẫn được sản xuất, lưu thông và sử dụng; gây thiệt hại cho nông dân, cạnh tranh không lành mạnh; nhất là với giống cây ăn quả và cây công nghiệp. Với phương châm phát triển cùng với lợi ích của người nông dân, bất kỳ rủi ro nào gây ảnh hưởng đến hiệu quả canh tác của bà con đều mang đến rủi ro cho sự phát triển dài hạn của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.

**Chính sách quản trị rủi ro:** Để giảm thiểu rủi ro từ hàng giả, Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát chặt chẽ, nâng cao nhận thức cho nông dân và người tiêu dùng, đồng thời thực hiện các chính sách và quy định từ phía Chính phủ. Ngoài ra, Công ty còn chủ động quảng bá sản phẩm trên thị trường, gia tăng mức độ nhận diện thương hiệu cũng như hướng dẫn sự khác biệt giữa hàng thật đến từ thương hiệu SSC và hàng giả, chỉ rõ các kênh phân phối sản phẩm chất lượng cho người nông dân.

#### **Xu hướng diện tích đất nông nghiệp thu hẹp:**

Cơ cấu kinh tế Việt Nam đang chuyển dịch hướng đến công nghiệp hóa – hiện đại hóa, tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại, đẩy mạnh phát triển giao thông, khu công nghiệp, khu du lịch... Diện tích đất nông nghiệp thu hẹp là do quá trình đô thị hóa, phát triển du lịch, giao thông, dân số tăng nhanh, sụt lún đất do biến đổi khí hậu... Bên cạnh đó, một nguyên nhân nữa đó là việc phát triển ở các khu công nghiệp, khu du lịch chiếm diện tích lớn tại các khu đất nông nghiệp. Trước tình trạng quỹ đất mỗi ngày một thu hẹp, nếu phát triển nông nghiệp theo kiểu truyền thống sẽ gặp nhiều khó khăn, nên phải đi theo xu thế tất yếu là nông nghiệp đô thị, ứng dụng công nghệ vào sản xuất.

**Chính sách quản trị rủi ro:** Để đối mặt với thách thức này, Công ty tăng cường hiệu suất sử dụng đất thông qua áp dụng các phương pháp nông nghiệp hiện đại và bền vững. Tích hợp công nghệ thông tin và các mô hình nông nghiệp thông minh để giúp tối ưu hóa sử dụng diện tích và tăng cường năng suất. Ngoài ra, Công ty thúc đẩy sự hợp tác giữa nông dân để phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị và thông minh, ứng phó với tình trạng đất nông nghiệp thu hẹp và bảo vệ nguồn lực quan trọng này cho sự bền vững của ngành nông nghiệp.

#### **Rủi ro luật pháp**

Đồng thời, SSC là doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp với hoạt động cốt lõi là cung cấp hạt giống, Công ty luôn tuân thủ và chịu sự chi phối của các văn bản pháp luật như Luật Trồng trọt, Luật sở hữu Trí tuệ, ... Trong những năm gần đây, với mục tiêu phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao và phát triển bền vững, các cơ quan quản lý đã cập nhật và sửa đổi các văn bản pháp luật liên tục, đặc biệt thắt chặt những quy định về sản xuất và phân phối trong ngành nông nghiệp, bao gồm cả chính sách liên quan đến công tác giống cây trồng và quy chuẩn về kỹ thuật, phân loại, và chất lượng giống.

Việc các văn bản pháp luật thắt chặt sẽ tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch và cạnh tranh lành mạnh, giảm thiểu các rủi ro về giống giả, kém chất lượng cũng như tạo điều kiện cho các

doanh nghiệp uy tín phát triển kinh doanh, tuy nhiên việc này cũng đòi hỏi doanh nghiệp phải liên tục theo dõi, cập nhật các thay đổi để kịp thời đáp ứng và có các chiến lược kinh doanh phù hợp. Bên cạnh đó, là doanh nghiệp được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE), SSC cũng chịu các sự kiểm soát cũng như tuân thủ các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan.

**Chính sách quản trị rủi ro:** Do đó, để giảm thiểu các rủi ro trên đến hoạt động sản xuất kinh doanh, SSC luôn nghiêm túc tuân thủ và chỉ đạo các bộ phận, cán bộ phụ trách liên tục theo dõi và cập nhật các thay đổi, đồng thời chú trọng hệ thống quản trị minh bạch, hiệu quả.

### c. Rủi ro môi trường

Chính sách quản trị rủi ro: SSC thực hiện chính sách quản trị rủi ro môi trường theo hướng chủ



động, tập trung vào nghiên cứu giống cây trồng chống chịu cao, ứng dụng công nghệ canh tác bền vững và hợp tác với nông dân để tăng khả năng thích ứng. Công ty đã phát triển thành công các giống lúa như Hương Châu 6 (kháng đạo ôn, rầy nâu) và KCR06-1 (thích nghi tốt với biến đổi khí hậu), giúp hạn chế thiệt hại do thiên tai và sâu bệnh. Đồng thời, SSC tổ chức các buổi tập huấn kỹ thuật, hướng dẫn nông dân cách xử lý các vấn đề môi trường trong sản xuất. Cán bộ nhân viên SSC cũng thường xuyên đến thăm đồng ruộng của bà con có hợp đồng sản xuất với công ty để tư vấn giải pháp phù hợp, góp phần nâng cao năng suất và phát triển nông nghiệp bền vững.

### Biến đổi khí hậu

Nắng nóng gay gắt làm tiến độ sản xuất vụ mùa bị chậm lại, xuất hiện tình trạng lạc, đậu và các loại cây trồng khác bị héo, chết..., mạ bị dờn ngay gieo nhằm đảm bảo độ ẩm phù hợp để phát triển. Nhiều giải pháp chống nắng, hạn cho cây trồng đã được các địa phương thực hiện, song chỉ có tác dụng phần nào.

Mưa lũ những tháng cuối năm 2025 làm thiệt hại các tỉnh Nam Trung bộ. Những yếu tố này không chỉ làm gián đoạn sản xuất nông nghiệp mà còn gây tổn thất nặng nề về kinh tế và đời sống người dân. Đặc thù doanh nghiệp SSC gắn liền với sự phát triển của nhà nông, các hệ lụy từ vụ mùa kém có thể gián tiếp khiến sản lượng tiêu thụ giống thấp hơn ở kỳ kế tiếp.

### Sâu bệnh

Rủi ro sâu bệnh trong nông nghiệp gây tác động nặng nề đến chất lượng, sản lượng nông sản và lợi nhuận của doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp. Với thời tiết diễn biến thất thường như hiện nay dễ gây ra các loại sâu bệnh phổ biến như rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh khô vằn,... Sâu bệnh này có thể lan nhanh chóng và gây hại đến diện tích trồng lớn, làm giảm năng suất và chất lượng của sản phẩm. Hơn nữa, sâu bệnh còn tạo ra thách thức về môi trường, vì các biện pháp kiểm soát có thể yêu cầu việc sử dụng các chất hóa học, ảnh hưởng đến sự cân bằng tự

nhiên trong môi trường nông nghiệp và có thể tạo ra vấn đề về an toàn thực phẩm...

Nông nghiệp ở Việt Nam duy trì canh tác quanh năm trong môi trường tự nhiên vốn có, khả năng chống chịu sâu bệnh chủ yếu dựa vào nguồn hạt giống chất lượng cao. Việc chọn cơ sở cung cấp hạt giống được lai tạo thuần chủng, nghiên cứu khoa học với khả năng kháng sâu bệnh tự thân là tối ưu để giảm chi phí phân thuốc trong lâu dài, hạn chế thành phần hóa chất tồn đọng trong thực phẩm và đất đai. SSC là đơn vị cung cấp hạt giống và giống cây trồng chủ yếu cho miền Nam, hoạt động kinh doanh của công ty cũng sẽ bị ảnh hưởng khi các loại sâu bệnh phát triển và gây hại, đặc biệt là các sản phẩm chiếm tỷ trọng cao như lúa và bắp. Song, sâu bệnh cũng là động lực phát triển của các công ty nghiên cứu giống cây trồng, tạo lợi thế cạnh tranh cho các dòng sản phẩm mới với năng lực kháng sâu bệnh mạnh mẽ hơn. Vậy nên, doanh nghiệp trong ngành luôn đứng trước yêu cầu nghiên cứu cải tiến hạt giống kháng sâu bệnh tự thân để đưa ra thị trường nhằm tăng hiệu quả canh tác cho bà con nông dân.

#### d. Rủi ro khác



Bên cạnh các rủi ro trên, các rủi ro bất khả kháng Công ty phải đối mặt như thiên tai, cháy nổ, hỏa hoạn, dịch bệnh,... Các rủi ro liên quan đến thiên tai và dịch bệnh có thể dẫn đến tổn thất hàng hóa hoặc tạm ngừng vận chuyển, gây ra tổn thất cho Công ty. Ngoài ra, các điều kiện khí hậu thay đổi như nhiệt độ cao, độ ẩm thấp có thể ảnh hưởng đến việc lưu trữ hàng hóa, khiến Công ty phải gia tăng chi phí để điều chỉnh về điều kiện bình thường. Một sự cố về an toàn của sản phẩm không chỉ gây tổn thất về tài chính mà còn có thể làm suy giảm uy tín của Công ty trên thị trường, do đó để kiểm soát và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro, Công ty luôn tổ chức sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị sản xuất, xây dựng quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm. Bên

cạnh đó, Công ty cũng tổ chức các buổi tập huấn, diễn tập về phòng cháy chữa cháy, sơ cấp cứu trong các trường hợp khẩn cấp nhằm trang bị cho cho người lao động những kỹ năng cần thiết khi đối mặt với các tình huống bất ngờ, tránh gây thiệt hại về người và của.

## II. Tình hình hoạt động trong năm:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm:

(Đơn vị: Triệu đồng)

| Sản phẩm           | Doanh thu 2025 | Doanh thu 2024 | Tỷ trọng 2025 (%) | Tỷ trọng 2024 (%) |
|--------------------|----------------|----------------|-------------------|-------------------|
| Bắp nếp            | 40.810         | 32.956         | 13,47%            | 8,49%             |
| Bắp vàng           | 34.321         | 33.655         | 11,33%            | 8,67%             |
| Lúa lai            | 4.919          | 18.574         | 1,62%             | 4,79%             |
| Lúa thuần          | 168.881        | 256.812        | 55,74%            | 66,18%            |
| Rau                | 30.683         | 32.158         | 10,13%            | 8,29%             |
| Đậu                | 3.456          | 3.950          | 1,14%             | 1,02%             |
| Vật tư nông nghiệp | 1.385          | 799            | 0,46%             | 0,21%             |
| Sản phẩm khác      | 18.535         | 9.159          | 6,12%             | 2,36%             |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>302.991</b> | <b>388.063</b> | <b>100%</b>       | <b>100%</b>       |

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025

(Đơn vị: Triệu đồng)

| STT | Chỉ tiêu                                | Năm 2025 | Năm 2024 | % Tăng/giảm |
|-----|---|----------|----------|-------------|
| 1   | Doanh thu thuần                         | 302.991  | 388.063  | -21,92%     |
| 2   | Giá vốn hàng bán                        | 215.561  | 276.875  | -22,15%     |
| 3   | Lợi nhuận gộp                           | 87.430   | 111.188  | -21,37%     |
| 4   | Doanh thu hoạt động tài chính           | 6.933    | 7.714    | -10,12%     |
| 5   | Chi phí tài chính                       | 3.865    | 2.824    | 36,84%      |
| 6   | Chi phí bán hàng                        | 27.839   | 25.787   | 7,96%       |
| 7   | Chi phí quản lý doanh nghiệp            | 37.943   | 37.583   | 0,96%       |
| 8   | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 24.716   | 52.707   | -53,11%     |
| 9   | Lợi nhuận khác                          | (4.161)  | 1.291    | -422,18%    |
| 10  | Lợi nhuận trước thuế                    | 20.555   | 53.999   | -61,93%     |

|    |                    |        |        |         |
|----|--------------------|--------|--------|---------|
| 11 | Lợi nhuận sau thuế | 13.850 | 42.519 | -67,43% |
| 12 | EPS (đồng)         | 930    | 2.821  | -67,03% |

**Nhận xét:**

Năm 2025, ngành nông nghiệp nói chung và công ty nói riêng đối mặt với nhiều biến động dẫn đến các chỉ tiêu tài chính sụt giảm so với cùng kỳ:

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng: Diện tích gieo trồng lúa cả năm 2025 ước giảm khoảng 1,1 nghìn ha so với 2024 do xu hướng chuyển đổi sang đất phi nông nghiệp hoặc các loại cây ăn trái có giá trị kinh tế cao hơn (như sầu riêng, cà phê). Điều này trực tiếp làm giảm nhu cầu về hạt giống lúa truyền thống.
- Thiên tai và dịch bệnh: Năm 2025 ghi nhận nhiều đợt mưa bão phức tạp tại miền Bắc và miền Trung (như bão số 3), gây thiệt hại nặng cho mùa màng. Khi nông dân mất trắng hoặc giảm diện tích canh tác do thời tiết, nhu cầu tái đầu tư vào hạt giống cho vụ sau thường bị chững lại do thiếu vốn.
- Giá lúa nông sản giảm mạnh, mặc dù Công ty đã giảm giá lúa giống nhưng tâm lý nông dân chờ giá giống tiếp tục giảm để họ đạt được giá mong muốn hoặc chọn giống lúa trôi nổi giá thấp, nên nhu cầu mua giống của các đại lý giảm mạnh; đặc biệt thị trường lúa lai vùng lúa tằm bị ảnh hưởng mạnh.
- Sản phẩm mới bấp bệp, rau chưa nổi trội để dẫn dắt thị trường, nhu cầu nông dân ưa chuộng giống mới do tâm lý chung giống mới ít bệnh, giảm chi phí và cơ hội cho các giống mới của các Công ty.
- Các công ty đối thủ liên tục điều chỉnh chính sách bán hàng với nhiều hình thức mang tính cạnh tranh cao nên SSC khó tiêu thụ được hàng.
- Công tác phát triển sản phẩm chưa tốt, đội ngũ kinh doanh chưa năng động và nỗ lực trong công tác bán hàng. Lãnh đạo quản lý khối kinh doanh của Công ty thay đổi, có ảnh hưởng nhất định đến việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Các giống mua bản quyền chưa hoặc không phát huy được thế mạnh cạnh tranh, không phát triển được thị trường tiêu thụ
- Trong năm 2025 phát triển mạnh các giống lúa thuần VNR98, giống lúa thuần LS70 và giống bắp Diamond 999.



| STT | Chỉ tiêu             | Kế hoạch 2025 | Thực hiện 2025 | Thực hiện 2024 | TH 2025/ TH 2024 | TH 2025/ KH 2025 |
|-----|----------------------|---------------|----------------|----------------|------------------|------------------|
| 1   | Doanh thu thuần      | 427.200       | 302.991        | 388.063        | 78,08%           | 70,92%           |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | 70.968        | 20.555         | 53.999         | 38,07%           | 28,96%           |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế   | 56.700        | 13.850         | 42.519         | 32,57%           | 24,43%           |

Năm 2025 đối mặt với các rủi ro biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn khiến ngành nông nghiệp tổng thể không quá khả quan, SSC đã nỗ lực thực hiện kế hoạch đề ra với doanh thu đạt 70,92% so với kế hoạch. Song, chi phí giá vốn hàng bán và chi phí tài chính phát sinh cao khiến lợi nhuận trước và sau thuế thấp hơn, lần lượt đạt 28,96% và 24,43% so với kế hoạch đề ra ban đầu.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### a. Danh sách Ban Điều hành: Tính từ 01/01/2025 đến ngày 31/03/2026

| TT | Thành viên                 | Chức vụ  | Số lượng CP năm giữ | Tỷ lệ sở hữu | Ghi chú   |
|----|----------------------------|--|---------------------|--------------|---|
| 1  | <b>Đặng Văn Vinh</b>       | Nguyên Tổng Giám đốc                               | 0                   | 0%           | Bỏ nhiệm từ ngày 19/02/2024 & miễn nhiệm từ ngày 02/01/2026 |
| 2  | <b>Trần Trương Tấn Tài</b> | Tổng Giám đốc                                      | 0                   | 0%           | Bỏ nhiệm từ ngày 02/01/2026                                 |
| 3  | <b>Nguyễn Đình Nam</b>     | Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Quản trị               | 0                   | 0%           | Bỏ nhiệm từ ngày 19/02/2024                                 |
| 4  | <b>Nguyễn Quốc Phong</b>   | Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Kinh doanh - Marketing | 0                   | 0%           | Miễn nhiệm từ ngày 16/9/2025                                |
| 5  | <b>Lê Minh Chánh</b>       | Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Sản xuất               | 0                   | 0%           | Bỏ nhiệm từ ngày 10/10/2025                                 |
| 6  | <b>Huỳnh Duy Trác</b>      | Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Kinh doanh - Marketing | 0                   | 0%           | Bỏ nhiệm từ ngày 16/01/2026                                 |
| 7  | <b>Nguyễn Thị Phong</b>    | Nguyên Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Sản xuất        | 0                   | 0%           | Bỏ nhiệm ngày 10/03/2025 & miễn nhiệm từ ngày 16/01/2026    |
| 8  | <b>Lâm Tuấn Lạc</b>        | Nguyên Kế toán trưởng                              | 0                   | 0%           | Bỏ nhiệm ngày 01/11/2020 & miễn nhiệm từ                    |

|   |             |                |   |    |                             |
|---|-------------|----------------|---|----|-----------------------------|
|   |             |                |   |    | ngày 10/02/2026             |
| 9 | Lê Tôn Hùng | Kế toán trưởng | 0 | 0% | Bổ nhiệm từ ngày 10/02/2026 |

### Lý lịch Ban Điều hành hiện tại

| Tên  | Lý lịch   |   |
|--|---|---|
| Trần Trương Tấn Tài                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ <b>Năm sinh: 1974</b></li> <li>◆ <b>Quốc tịch: Việt Nam</b></li> <li>◆ <b>Trình độ học vấn: Kỹ sư Nông học</b></li> <li>◆ <b>Quá trình Công tác:</b></li> </ul>  |   |
|  | 02/01/2026 – đến nay  | Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (SSC)                  |
|  | 06/2025 – đến nay   | Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed)     |
|  | 06/2023 – 10/01/2026  | Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (Vinarice)                        |
|  | 01/2017 – 12/2019   | Phó Giám đốc Công ty- Công ty TNHH Hạt giống Nông Thuận Phát                    |
|  | 10/2015 – 11/2016   | Giám đốc Kinh doanh - CTCP Nông Dược HAI  |
|  | 04/2013 – 04/2015   | Giám đốc Kinh doanh - Công ty Monsanto  |
|  | 10/1998 – 03/2013   | Giám đốc Kinh doanh - Công ty Cổ phần Giống Cây trồng miền Nam (SSC)            |
|  | 10/1996 – 08/1998   | Trưởng nhóm Trồng trọt - Tổ chức VNplus   |
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ <b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:</b> Phó Tổng Giám đốc – CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed).</li> <li>◆ <b>Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:</b> Không có.</li> <li>◆ <b>Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:</b> Không có.</li> </ul> |   |
| Nguyễn Đình Nam (Phó Tổng Giám đốc phụ trách Quản trị) | <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ <b>Năm sinh: 1977</b></li> <li>◆ <b>Quốc tịch: Việt Nam</b></li> <li>◆ <b>Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính / Cử nhân kế toán kiểm toán / Cử nhân Luật kinh doanh</b></li> <li>◆ <b>Quá trình công tác:</b></li> </ul>   |   |
|  | 19/02/2024 – nay  | Phó Tổng Giám đốc phụ trách quản trị – Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam |
|  | 06/2021 – 18/02/2024  | Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ                                      |

|   |  |   |
|---|--|---|
|   |  | phần Giống cây trồng miền Nam   |
|   | 06/2020 – 05/2021  | Ủy viên HĐQT kiêm Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam                    |
|   | 01/2020 – 05/2020  | Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (Vinarice)  |
|   | 08/2018 – 12/2019  | Phó Tổng Giám đốc Quản trị kiêm Giám đốc Kế hoạch Đầu tư Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam |
|   | 09/2017 – 07/2018  | Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam   |
|   | 04/2017 – 08/2017  | Ủy viên BKS Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam  |
|   | 10/2010 – 08/2017  | Giám đốc KHĐT – Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam  |
|   | 12/2008 – 09/2010  | Phó Trưởng phòng KHĐT – Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam                                  |
|   | 06/2005 – 11/2008  | Nhân viên KHĐT – Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam   |
|   | 08/2003 – 05/2005  | Kế toán tổng hợp – Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long  |
|   | 03/2002 – 07/2003  | Kế toán tổng hợp – Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn   |
|   | 09/2000 – 02/2002  | Nhân viên kế toán – Công ty TNHH Đông Nam   |
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có</li> <li>◆ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.</li> <li>◆ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.</li> </ul> |   |
| Huỳnh Duy Trác (Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Kinh doanh - Marketing) | <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Năm sinh: 1979</li> <li>◆ Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>◆ Trình độ học vấn : Kỹ sư Trồng trọt</li> <li>◆ Quá trình công tác:</li> </ul>  |   |
|   | 01/2026 – nay  | Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam – Phó Tổng Giám đốc.                                     |
|   | 08/2025 – 12/2025  | Công ty TNHH UPL Vietnam - Giám đốc Quản lý Khách hàng Trọng yếu B2B & Giám đốc Sản               |

|  |  |   |
|--|--|---|
|  |  | phẩm Sinh học (thị trường Việt Nam & Lào).  |
|  | 03/2025 – 07/2025  | Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (Vinarice) - Phó Tổng Giám đốc  |
|  | 06/2024 – 02/2025  | Công ty TNHH Minh Long Agro - Giám đốc Chiến lược.  |
|  | 01/2023 – 05/2024  | Công ty TNHH Công nghệ Tanixa & Chengdu Newsun Cropscience – Phó Giám đốc Công ty (phụ trách Kinh doanh & Marketing). |
|  | 2021 – 2022  | Công ty TNHH Sitto Vietnam (thuộc Tập đoàn Sitto Thailand) – Giám đốc Kinh doanh toàn quốc (phân bón và thủy sản).    |
|  | 2018 – 2020  | Công ty TNHH Dekalb Việt Nam (Monsanto Vietnam) – Giám đốc Phát triển Thị trường ở miền Nam.                          |
|  | 2014 – 2017  | Công ty TNHH Dekalb Việt Nam (Monsanto Vietnam) – Giám đốc Phát triển Kỹ thuật Thị trường ở miền Nam.                 |
|  | 2013 – 2014:   | Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFC) – Giám đốc Kinh doanh ngành Giống.   |
|  | 2011 – 2013  | Công ty TNHH Dekalb Việt Nam – Chuyên viên cao cấp Phát triển Kỹ thuật thị trường miền Nam                            |
|  | 2005 – 2010  | Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam – Tổ trưởng KCS – Chi nhánh Củ Chi.  |
|  | 12/2002 – 2004   | Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam – Nhân viên KCS – Phòng Quản lý chất lượng.                                  |
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có</li> <li>◆ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.</li> <li>◆ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.</li> </ul> |   |
| <b>Lê Minh Chánh (Phó Tổng Giám đốc - phụ trách Sản xuất - Quản lý chất lượng)</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Năm sinh: 1972</li> <li>◆ Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>◆ Trình độ học vấn: Kỹ sư Nông học</li> <li>◆ Quá trình công tác:</li> </ul>   |   |
|  | 10/2025 – nay  | Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam.   |
|  | 09/2025 – 10/2025  | Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed) – Công ty                                |

|   |  |   |
|---|--|---|
|   |  | Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam.  |
|   | 07/2022 – 08/2025                          | Phó Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Nghiên cứu (VRDC) – Phụ trách Phía Nam – Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed).   |
|   | 06/2021 – 06/2022                          | Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Sản xuất – Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam.  |
|   | 10/2020 – 06/2021                          | Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Sản xuất kiêm Giám đốc Sản xuất – Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam.   |
|   | 01/2017 – 10/2020                          | Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Sản xuất – Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam.  |
|   | 09/2010 – 09/2015                          | Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng miền Nam (SRC) – Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam.  |
|   | 05/2009 – 08/2010                          | Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng miền Nam (SRC) – Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam.  |
|   | 09/2007 – 04/2009                          | Phó trưởng Phòng Nghiên cứu phát triển – Phòng Nghiên cứu Phát triển Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.  |
|   | 06/2002 – 08/2007                          | Nhân viên Nghiên cứu – Phòng Nghiên cứu Phát triển – Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.  |
|   | 04/1997 – 05/2002                          | Nhân viên Nghiên cứu – Phòng Nghiên cứu Phát triển – Công ty Giống cây trồng Miền Nam.  |
|   |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ <b>Chức vụ hiện nay tại Công ty:</b> Phó Tổng Giám đốc – phụ trách Sản xuất – Quản lý Chất lượng</li> <li>◆ <b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:</b> Không có</li> <li>◆ <b>Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở tổ chức khác :</b> Không có</li> <li>◆ <b>Công ty khác:</b> Không có</li> <li>◆ <b>Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:</b> Không có</li> </ul> |
| <b>Lê Tôn Hùng -<br/>Kế toán<br/>trưởng Công<br/>ty</b> | ✓ <b>Năm sinh:</b> 1967                    |   |
|   | ✓ <b>Quốc tịch:</b> Việt Nam               |   |
|   | ✓ <b>Trình độ học vấn:</b> Cử nhân Kinh tế |   |
|   | ✓ <b>Quá trình công tác:</b>               |   |
|   | 10/02/2026 – nay                           | Kế toán trưởng Công ty – Công ty Cổ phần Giống  |

|                       |  |
|-----------------------|--|
|                       | cây trồng Miền Nam   |
| 07/01/2026–10/02/2026 | Trợ lý Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam  |
| Từ 2017 – 2025        | Hợp tác kinh doanh bên ngoài                                     |
| 03/2011 – 11/2016     | Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam        |
| 02/2006 – 02/2011     | Phó Trưởng Phòng TCKT – Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam |
| 06/2002 – 01/2006     | Nhân viên Kế toán – Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam     |
| 07/1994 – 05/2002     | Nhân viên Kế toán – Công ty Giống cây trồng Miền Nam             |

- ◆ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- ◆ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- ◆ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.

**b. Những thay đổi trong Ban Điều hành trong năm 2025:**

- Ngày 16/09/2025, Hội đồng quản trị miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Kinh doanh và Marketing đối với ông Nguyễn Quốc Phong để giải quyết nguyện vọng nghỉ việc.
- Ngày 10/10/2025, Hội đồng quản trị tiếp nhận và bổ nhiệm ông Lê Minh Chánh giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc
- Ngày 31/12/2025, Hội đồng quản trị miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Đặng Văn Vinh, hiệu lực từ 02/01/2026 & bổ nhiệm ông Trần Trương Tấn Tài giữ chức danh Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam, hiệu lực từ ngày 02/01/2026.

**c. Số lượng cán bộ, nhân viên:**

| STT       | Tiêu chí                                   | Năm 2025         |              |
|-----------|--|------------------|--------------|
|           |  | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
| <b>I</b>  | <b>Theo trình độ lao động</b>              |                  |              |
| 1         | Trình độ Đại học và trên Đại học           | 82               | 59%          |
| 2         | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 22               | 16%          |
| 3         | Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật               | 13               | 10%          |
| 4         | Lao động phổ thông                         | 22               | 16%          |
| <b>II</b> | <b>Theo giới tính</b>                      |                  |              |
| 1         | Nam  | 114              | 82%          |
| 2         | Nữ   | 25               | 18%          |

| <b>III Theo thời hạn HĐLĐ</b> |                                    |            |             |
|-------------------------------|------------------------------------|------------|-------------|
| 1                             | Hợp đồng ngắn hạn dưới 01 năm      | 0          | 0%          |
| 2                             | Hợp đồng có thời hạn 01 đến 03 năm | 38         | 27%         |
| 3                             | Hợp đồng không xác định thời hạn   | 101        | 73%         |
| <b>Tổng cộng</b>              |                                    | <b>139</b> | <b>100%</b> |

### Thu nhập bình quân

| Chỉ tiêu                                     | Năm 2021   | Năm 2022   | Năm 2023   | Năm 2024   | Năm 2025   |
|--|------------|------------|------------|------------|------------|
| <b>Tổng số lượng người lao động (người)</b>  | 139        | 131        | 156        | 157        | 139        |
| <b>Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)</b> | 18.067.194 | 17.600.000 | 16.200.000 | 16.900.000 | 16.800.000 |

### Chính sách nhân sự

Trải qua gần 5 thập kỷ hình thành và phát triển, bên cạnh sứ mệnh "**Chọn tạo, sản xuất và cung ứng hạt giống tốt cùng nông dân làm giàu**" đóng góp cho sự phát triển bền vững cho nền nông nghiệp Việt Nam, SSC luôn trân trọng các giá trị mà tập thể cán bộ người lao động đã cùng đồng hành và đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Cán bộ nhân viên (CBNV) của SSC có những hành trình nghề nghiệp kéo dài từ vài tháng đến trung bình 9 năm, và có người đã gắn bó với công ty hơn 35 năm. Dù bước qua những thăng trầm trong quá trình phát triển, tất cả hướng về mục tiêu chung là cùng nhau gắn kết để xây dựng và phát triển SSC ngày nay. Do đó, ngoài mục tiêu phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, SSC luôn chú trọng và có các chính sách đảm bảo quyền lợi cho người lao động.



Trong suốt những năm qua, công ty đã duy trì một chế độ làm việc an toàn và phù hợp, tuân thủ đầy đủ các tiêu chí của Bộ Luật lao động và chính sách lương. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên và tạo ra môi trường làm việc an toàn, đảm bảo các vấn đề về vệ sinh an toàn lao động Bên cạnh đó, SSC đặc biệt chú trọng các hoạt động đào tạo để nâng cao tay nghề, phát triển kỹ năng cho nhân viên đồng thời luôn các chính sách lương, thưởng theo năng lực nhằm khuyến khích tinh thần cầu tiến trong tập thể. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, teambuilding và các sự kiện kỷ niệm để chăm sóc tinh thần của nhân viên, tạo ra môi trường làm việc thân thiện, gắn kết.



### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a. Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2025, Công ty không thực hiện khoản đầu tư lớn nào, chỉ sửa chữa và cải tạo hệ thống máy chế biến, nhà kho phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty

#### b. Các công ty con, công ty liên kết:

*Công ty con:*

Công ty cổ phần Cơ khí Giồng cây trồng miền Nam (SSE) là công ty con trực thuộc SSC được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309966504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 4 năm 2010 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh.

*Công ty cổ phần Cơ khí Giồng Cây Trồng miền Nam (SSE): đã thực hiện phá sản theo Quyết định số 18/2025/QĐ-TBPS, ngày 29/9/2025 của Tòa án Nhân dân TP.HCM v/v tuyên bố phá sản doanh nghiệp.*

**Công ty liên kết Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (Vinarice) :**

(Đvt: Triệu đồng)

| STT | Chỉ tiêu  | TH 2024         | TH 2025         | % Tăng/<br>giảm |
|-----|---|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1   | Tổng tài sản                                      | 461.646.882.687 | 551.831.029.556 | 20%             |
| 2   | Doanh thu thuần                                   | 14.235.874.914  | 381.136.724.026 | -26%            |
| 3   | Giá vốn hàng bán                                  | 01.500.577.828  | 296.237.322.258 | -26%            |
| 4   | Doanh thu hoạt động tài chính                     | 12.735.297.086  | 84.899.401.768  | -25%            |
| 5   | Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính | 28.627.655.686  | 26.752.719.957  | -7%             |
| 6   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                 | 5.932.234.866   | 28.073.684.207  | -22%            |
| 7   | Lợi nhuận khác                                    | 241.993.411     | 1.709.347.276   | 606%            |
| 8   | Lợi nhuận trước thuế                              | 51.085.743.668  | 35.619.027.641  | -30%            |
| 9   | Lợi nhuận sau thuế                                | 9.566.925.894   | 33.987.309.019  | -31%            |

**4. Tình hình tài chính**

**a. Tình hình tài chính**

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

| STT | Chỉ tiêu                          | TH 2024 | TH 2025 | % Tăng/ giảm |
|-----|-----------------------------------|---------|---------|--------------|
| 1   | Tổng tài sản                      | 526.658 | 510.063 | -3,15%       |
| 2   | Doanh thu thuần                   | 388.063 | 302.991 | -21,92%      |
| 3   | Doanh thu hoạt động tài chính     | 7.714   | 6.933   | -10,12%      |
| 4   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 52.707  | 24.716  | -53,11%      |
| 7   | Lợi nhuận khác                    | 1.291   | (4.161) | -422,18%     |
| 8   | Lợi nhuận trước thuế              | 53.999  | 20.555  | -61,93%      |
| 9   | Lợi nhuận sau thuế                | 42.519  | 13.850  | -67,43%      |

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

| STT      | Chỉ tiêu tài chính                     | ĐVT | 2025 | 2024 |
|----------|--|-----|------|------|
| <b>I</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> |     |      |      |
| 1        | Hệ số thanh toán ngắn hạn              | Lần | 2,17 | 2,23 |
| 2        | Hệ số thanh toán nhanh                 | Lần | 1,27 | 1,59 |

| <b>II</b>  | <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                 |     |        |        |
|------------|---|-----|--------|--------|
| 1          | Hệ số Nợ/Tổng tài sản   | %   | 27,77% | 26,78% |
| 2          | Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                       | %   | 38,44% | 37,20% |
| <b>III</b> | <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                         |     |        |        |
| 1          | Vòng quay Hàng tồn kho  | Lần | 1,67   | 3,02   |
| 2          | Doanh thu thuần/Tổng tài sản ( bình quân)                     | Lần | 0,75   | 0,56   |
| <b>IV</b>  | <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                          |     |        |        |
| 1          | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                      | %   | 3,57%  | 14,03% |
| 2          | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( bình quân)          | %   | 3,70%  | 11,01% |
| 3          | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( bình quân)            | %   | 2,67%  | 7,93%  |
| 4          | Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | %   | 8,16%  | 13,58% |

### **Nhận xét:**

#### **1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**

Năm 2025, chỉ tiêu thanh toán ngắn hạn của công ty giảm nhẹ so với năm 2024, duy trì trên 2 lần cho thấy công ty vẫn duy trì năng lực thanh toán tốt cho các khoản nợ ngắn hạn. Cụ thể, tài sản ngắn hạn giảm 2,34% và nợ ngắn hạn tăng nhẹ, khiến chỉ số thanh toán tổng thể giảm từ 2,23 xuống 2,17 tương đương giảm 2,58% so với cùng kì. Chỉ tiêu thanh toán nhanh cũng giảm nhẹ từ 1,59 lần xuống 1,27 lần, phản ánh lượng hàng tồn kho trong năm tăng 25,06%.

Dù tổng sản lượng nông sản canh tác trong cả nước tăng, nhưng do xu hướng chuyển đổi trong cơ cấu trồng trọt giữa các loại giống cây trồng khiến hoạt động quản trị hàng tồn kho của doanh nghiệp gặp khó khăn. Cụ thể, lúa lai và lúa thuần, rau và bắp nếp cải thiện về sản lượng tiêu thụ, trong khi đó, đậu lại giảm do giá cả thị trường không thuận lợi. Điều này dẫn đến kế hoạch sản xuất của SSC và tiêu thụ thực tế trong thị trường không đồng bộ, khiến hàng tồn kho một số dòng hạt giống tăng cao.

#### **2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Trong năm, các hệ số nợ phải trả / Tổng tài sản và nợ phải trả/vốn hủ sở hữu đều tăng nhẹ hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 26,78% lên 27,77%, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 37,20% lên 38,44%. Nhìn chung, Công ty đã triển khai khoản vay ngắn hạn nhằm bổ sung dòng vốn lưu động và tài trợ gia tăng các tài sản ngắn hạn như hàng tồn kho. Đồng thời, SSC cũng nỗ lực tất toán các nghĩa vụ nợ phải trả cho các bên liên quan bao gồm người bán, thuế nhà nước, người lao động, hạn chế các rủi ro từ đòn bẩy cơ cấu vốn.

#### **3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**

Vòng quay hàng tồn kho của SSC trong năm 2025 chậm hơn so với năm trước đó, cụ thể là giảm từ 3,02 xuống còn 1,67 vòng. Trong năm, tồn kho trung bình năm tăng đáng kể khiến tổng thể vòng quay tồn kho giảm. Tồn kho chủ yếu là thành phẩm đáp ứng nhu cầu tăng cao giai đoạn cuối năm.

Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,56 vòng lên 0,75 vòng, có sự cải thiện trong

doanh thu. Trong thị trường vĩ mô thuận lợi, công ty SSC đạt được tốc độ tạo ra lợi nhuận khá nhanh dựa trên tỷ lệ cơ cấu tài sản ở mức vừa của ngành nông nghiệp nói chung.

#### 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Đối với các hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu và Tổng tài sản mặc dù giá trị vốn chủ sở hữu và tài sản duy trì ở mức ổn định trong năm 2025, nhưng do lợi nhuận suy giảm tổng thể nên các chỉ số này cũng có bước giảm nhẹ. Cụ thể, chỉ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân giảm từ 14,03% còn 3,57%; chỉ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân giảm từ 11,01% xuống còn 3,70% .

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

##### a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 14.992.367 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 13.271.785 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.720.582 cổ phiếu.
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

##### b. Cơ cấu cổ đông: Tính đến ngày chốt Danh sách 20/3/2026

| TT         | Loại cổ đông                 | Số lượng   | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%)     |
|------------|------------------------------|------------|--------------------|---------------|
| <b>I</b>   | <b>Cổ đông trong nước</b>    | <b>639</b> | <b>13,151,428</b>  | <b>99.1%</b>  |
| 1          | Tổ chức                      | 4          | 12,795,843         | 96.4%         |
| 2          | Cá nhân                      | 635        | 355,585            | 2.7%          |
| <b>II</b>  | <b>Cổ đông nước ngoài</b>    | <b>120</b> | <b>120,357</b>     | <b>0.9%</b>   |
| 1          | Tổ chức                      | 9          | 33,608             | 0.3%          |
| 2          | Cá nhân                      | 111        | 86,749             | 0.7%          |
| <b>III</b> | <b>Cổ đông Nhà nước</b>      | <b>0</b>   | <b>0</b>           | <b>0%</b>     |
| <b>IV</b>  | <b>Tổng cộng (I +II+III)</b> | <b>759</b> | <b>13,271,785</b>  | <b>100.0%</b> |

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49% .

##### Danh sách cổ đông lớn

| STT | Tên   | Địa chỉ                                       | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|---|---|-------------------|--------------|
| 1   | Công ty cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam | Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, Hà Nội | 12.794.582        | 85,3%        |

##### c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### a. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty

###### ✓ Thuận lợi



– Các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra hàng gian, hàng nhái, hàng giả, góp phần làm hạn chế hàng kém chất lượng, không rõ nguồn gốc lưu thông trên thị trường.

– Các chính sách thuế của Nhà nước chuyển các hộ kinh doanh có doanh thu lớn chuyển lên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh khai thuế, xuất hóa đơn điện tử kết nối với cơ quan thuế làm cho thị trường ngành giống ngày càng minh bạch hơn.

– CôngKip thời sửa chữa, cải tạo hệ thống máy sấy, chế biến đi vào hoạt động ổn định đã nâng công suất chế biến hạt giống, đảm bảo cung ứng kịp thời hạt giống theo yêu cầu thị trường.

– Gia công về sấy, chế biến cho các đối tác để khai thác triệt để và hiệu quả cơ sở vật của SSC.

– Cơ hội phát triển và bán hàng các giống bản quyền mới của Tập đoàn chọn tạo.

###### ✓ Khó khăn

– Hội nhập kinh tế toàn cầu tạo ra nhiều cơ hội, đồng thời doanh nghiệp cũng phải vượt qua nhiều thách thức để tồn tại và phát triển.

- Giá nông sản biến động ảnh hưởng đến nhu cầu hạt giống các loại không ổn định.
- Tình hình cạnh tranh mạnh trên thị trường hạt giống, nhất là sự tăng cường tiếp thị của các công ty giống nước ngoài và sự chuyển đổi kinh doanh ngành giống của một số công ty trong nước.
- Giá vật tư nông nghiệp, lao động phổ thông tăng cao, chi phí sản xuất, chi phí vận chuyển tiếp tục tăng dẫn đến phải tăng giá thu mua nguyên liệu của hầu hết các loại hạt giống.
- Một số sản phẩm hạt giống sản xuất hoặc dự trữ không đầy đủ, kịp thời làm cho việc bán hàng bị gián đoạn, làm mất đi cơ hội kinh doanh và ảnh hưởng đến hoạt động phát triển thị trường.
- Tình hình cạnh tranh về thị trường và vùng nguyên liệu giữa các công ty ngày càng gay gắt.
- Các chính sách thuế của Nhà nước thay đổi ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ thống đại lý.
- Giá lúa lương thực giảm ảnh hưởng đến hiệu quả của người nông dân, nông dân tiết kiệm hoặc thay đổi không đầu tư để mua giống.
- Giá vốn và chi phí đầu vào tăng, hàng tồn kho nhiều, rủi ro trong kinh doanh về kiểm soát chất lượng và bảo quản hàng hóa trong kho.
- Nhân sự quản lý khối kinh doanh marketing biến động.

## Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty

| CHỈ TIÊU             | ĐVT  | KH NĂM  | TH      | CK      | TH/KH  | TH/CK  |
|----------------------|------|---------|---------|---------|--------|--------|
| Doanh thu            | Trđ  | 427.000 | 302.991 | 388.063 | 71,0%  | 78,1%  |
| Chênh lệch giá       | Trđ  | 143.400 | 87.430  | 111.188 | 61,0%  | 78,6%  |
| % CLG/DT             |      | 34%     | 29%     | 29%     | 85,9%  | 100,7% |
| Chi phí BH           | Trđ  | 30.787  | 27.839  | 25.787  | 90,4%  | 108,0% |
| CFBH/DT              | %    | 7,2%    | 9,2%    | 6,6%    | 127,4% | 138,3% |
| Chi phí QL           | Trđ  | 41.645  | 39.254  | 37.583  | 94,3%  | 104,4% |
| CFQL/DT              | %    | 9,8%    | 13,0%   | 9,7%    | 132,8% | 133,8% |
| Lợi nhuận trước thuế | Trđ  | 70.968  | 20.555  | 53.999  | 29,0%  | 38,1%  |
| Lợi nhuận sau thuế   | Trđ  | 56.695  | 13.850  | 42.519  | 24,4%  | 32,6%  |
| ROS (LN/DT)          | %    | 13,28%  | 4,57%   | 10,96%  | 34,4%  | 41,7%  |
| Tổng tài sản         | Trđ  | 526.658 | 510.063 | 526.658 | 96,8%  | 96,8%  |
| ROA                  | %    | 11%     | 2,72%   | 8,07%   | 25,2%  | 33,6%  |
| Vốn CSH              | Trđ  | 383.027 | 366.091 | 383.027 | 95,6%  | 95,6%  |
| ROE                  | %    | 15%     | 3,78%   | 11,10%  | 25,6%  | 34,1%  |
| Chi phí lãi vay      | Trđ  | 2.714   | 3.858   | 2.714   | 142,1% | 142,1% |
| EBIT                 | Trđ  | 73.682  | 24.412  | 56.713  | 33,1%  | 43,0%  |
| Khấu hao             | Trđ  | 13.985  | 12.875  | 13.985  | 92,1%  | 92,1%  |
| EBITDA               | Trđ  | 87.667  | 37.288  | 70.698  | 42,5%  | 52,7%  |
| EPS                  | Đ/cp | -       | 3.792   | 3.512   | 0,0%   | 108,0% |

### ✓ MẶT LÀM ĐƯỢC:

1. Công tác chăm sóc khách hàng và hỗ trợ khách hàng có cải thiện.
2. Kiểm soát giá thị trường, điều tiết hàng hóa tốt.
3. Thuê chuyên gia tổ chức Tập huấn về chính sách thuế mới cho hệ thống đại lý và cán bộ nhân viên khối kinh doanh.
4. Xử lý tốt khiếu nại khách hàng về chất lượng hạt giống.
5. Kiểm soát và thu hồi công nợ tốt.

### ✓ MẶT TỒN TẠI:

1. Chưa đánh giá lại hiệu quả chính sách bán hàng đã triển khai trong tháng.
2. Triển khai chính sách bán hàng thiếu đồng bộ (đặc biệt là nhóm rau màu).
3. Công tác xúc tiến mô hình cho nhóm rau và bắp ngọt còn yếu kém.
4. Chưa phát huy kênh phân phối nhằm đáp ứng mục tiêu. Chưa phát huy hiệu quả Key Account.
5. Kiểm soát giá bán đến hệ thống còn thiếu chặt chẽ, chưa hiệu quả đối với nhóm bắp nếp.
6. Rủi ro về hóa đơn chứng từ trong hoạt động bán hàng của Công ty khi cơ quan thuế kiểm soát chặt.
7. Hàng hóa tồn kho lớn, thời gian bảo quản dài ảnh hưởng đến chất lượng; nên công tác bảo quản, quản lý phải quan tâm giảm tồn thất.
8. Công ty bị xử phạt hành chính về thuế năm 2024, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

9. Việc quy hoạch vùng nguyên liệu sản xuất lúa thuần không ổn định chưa đáp ứng được chiến lược phát triển tại Đồng bằng Sông Cửu Long; triển khai sản xuất bắp, rau màu giá thành cao; vùng nguyên liệu không ổn định; công suất sấy, chế biến vào cao điểm chưa đáp ứng phải thuê ngoài, không chủ động nên gia tăng rủi ro chất lượng sản phẩm.

## 2. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài sản

(Đơn vị: Triệu đồng)

| TT           | Tiêu chí         | 2025    | 2024    | % Tăng / Giảm | Tỷ trọng 2025 | Tỷ trọng 2024 |
|--------------|------------------|---------|---------|---------------|---------------|---------------|
| 1            | Tài sản ngắn hạn | 312.888 | 320.398 | -2,34%        | 61%           | 61%           |
| 2            | Tài sản dài hạn  | 197.175 | 206.260 | -4,40%        | 39%           | 39%           |
| Tổng tài sản |                  | 510.063 | 526.658 | -3,15%        | 100%          | 100%          |

Tổng tài sản của SSC tại thời điểm cuối năm 2025 có sự giảm nhẹ 3,15% so với cùng kỳ. Trong đó, tỷ trọng tài sản ngắn hạn và dài hạn duy trì tương đương lần lượt ở mức 61% và 39%, đồng nghĩa với sự giảm nhẹ đồng đều về khối lượng ở hai khoản mục này.

Cụ thể, tài sản ngắn hạn giảm 2,34%, trong đó có sự thay đổi trong tỷ trọng giữa các khoản mục con. Các tài sản thanh khoản tốt hơn như tiền và tương đương tăng mạnh 130% trong khi các khoản phải thu ngắn hạn giảm 28%. Bên cạnh đó, hàng tồn kho tăng 25% kéo cho tổng tài sản ngắn hạn trở về mức tỷ trọng 61%.

Tài sản dài hạn trong năm giảm nhẹ 4,40% chủ yếu do khấu hao tài sản cố định. Trong năm Công ty cũng đầu tư 5.38 tỷ đồng vào tài sản cố định hữu hình, tập trung vào nâng cấp năng lực sản xuất ở Chi nhánh Miền Trung và Chi nhánh Cờ Đỏ.

### b. Tình hình nợ phải trả

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

| TT      | Tiêu chí    | 2025    | 2024    | % Tăng/ Giảm |
|---------|-------------|---------|---------|--------------|
| 1       | Nợ ngắn hạn | 143.972 | 143.631 | 100%         |
| 2       | Nợ dài hạn  | 0       | 0       |              |
| Tổng nợ |             | 143.631 | 156.869 | 92%          |

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu nợ với 100% là nợ ngắn hạn, và không thay đổi nhiều trong năm, không phát sinh nợ xấu. Trong đó khoản phải trả người bán giảm 31% so với cùng kỳ; thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm tăng mạnh 1.016% do trong năm công ty nhận quyết định xử phạt vi phạm về thuế; khoản chi phí phải trả ngắn hạn không thay đổi, chủ yếu là chi phí thuê đất chiếm tỷ trọng lớn nhất khoản mục phải trả ngắn hạn khác chiếm 99% chủ yếu liên quan đến khoản phải trả dự án Khu đất Lê Văn Sỹ.

Bên cạnh đó, trong năm nhận thấy thị trường thuận lợi và tận dụng nguồn vốn vay ưu đãi trong lĩnh vực nông nghiệp, để bổ sung và đáp ứng kịp thời nguồn vốn lưu động phục vụ kinh doanh, trong năm công ty đã thực hiện khoản vay ở các ngân hàng thương mại với hạn mức hơn 150 tỷ đồng.

LỄ TRAO BẢNG VÀNG GHI DANH  
THƯƠNG HIỆU VÀNG VIỆT NAM NĂM 2025



### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

#### a. Công tác quản lý Công ty:

- Triển khai mô hình ma trận phân quyền theo Tập đoàn Vinaseed.
- Hệ thống quy chế được bổ sung cập nhật theo quy định của pháp luật.
- Sắp xếp và tổ chức lại khối sản xuất, sáp nhập Phòng Sản xuất vào Chi nhánh Phú Giáo, từ tháng 9/2025.
- Sắp xếp và tổ chức lại khối kinh doanh và Marketing -PTSP từ ngày 01/01/2026, tăng cường sự phối hợp giữa bộ phận marketing và kinh doanh bán hàng.
- Tăng cường đào tạo kỹ năng quản lý cho cán bộ cấp trung.
- Chính sách hoạt động: Xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất ổn định.
- Tập trung phát triển các giống lúa thuần VNR98 và giống bắp Diamond 999.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

#### a. Công tác tổ chức, quản trị:

- Triển khai sắp xếp tổ chức lại khối kinh doanh, sáp nhập Phòng Kinh doanh 1 & Phòng kinh doanh 2 thành **Phòng Kinh doanh**. Chuyển Chi nhánh Cambodia thành **Văn phòng Đại diện**.

- Nâng cao năng suất lao động, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng quy chế quản trị rủi ro để hạn chế thấp nhất các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh & tuân thủ các khuyến nghị và đề xuất của Ban Kiểm toán nội bộ, kiểm toán bên ngoài qua hoạt động kiểm toán thực tế tại Công ty.
- Tăng cường công tác đào tạo kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### **b. Công tác đầu tư**

- Cải tạo và nâng cấp thiết bị sấy, chế biến hạt giống bắp.
- Tiếp tục cải tạo hệ thống nhà màng, nhà lưới tại CN Phú Giáo và CN Lâm Hà.

#### **c. Công tác kinh doanh**

- Tiếp tục duy trì và phát triển sản phẩm bản quyền nhằm nâng cao tỷ suất lợi nhuận.
- Tăng cường công tác, hợp tác với Viện, Trường, Công ty thành viên, Trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước để khảo nghiệm, đánh giá, trình diễn, hội thảo giống mới về bắp, lúa; khảo nghiệm nhập về những giống rau lai mới.
- Phối hợp với VRI để đưa ra các giống mới phù hợp thị hiếu, nhằm tăng sản phẩm kinh doanh.
- Hợp tác với các công ty trong và ngoài nước để phân phối và chuyển giao sản phẩm kinh doanh.
- Mở rộng thị trường & hệ thống kênh phân phối, tăng cường công tác dịch vụ sau bán hàng.
- Tập trung tiêu thụ sản phẩm tồn kho lớn như lúa thuần OM 5451, lúa lai HR 182, bắp nếp CX 247, bắp vàng SSC 587, SSC 586 phối hợp với Tập đoàn để giảm rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **a. Công tác sản xuất – Chế biến bảo quản – Quản lý chất lượng**

- Phối hợp cùng với Tập đoàn Vinaseed quy hoạch vùng sản xuất bền vững, có kế hoạch phòng ngừa rủi ro do thiên tai, thời tiết, mùa vụ.
- Tham gia dự án phát triển bền vững, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và đổi mới công nghệ của Tập đoàn.
- Tăng cường sự phối hợp với các đơn vị thành viên trong Tập đoàn để nâng cao hiệu quả công tác sấy, chế biến, quản lý chất lượng.
- Duy trì, cải tiến, kiểm soát hệ thống quản lý chất lượng và các công cụ đo lường trong sản xuất, chế biến và bảo quản hạt giống trong Nhà máy.

**5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có.

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

##### *Đánh giá các Chỉ Tiêu Môi Trường*

Chúng tôi đã và đang tập trung vào nghiên cứu, lai tạo các giống cây trồng có khả năng chống chịu sâu bệnh, hạn mặn, giảm phụ thuộc vào phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, góp phần bảo vệ đất canh tác, tài nguyên nước và nâng cao chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, SSC thúc đẩy mô hình canh tác thân thiện với môi trường, giảm lượng giống sạ để hạn chế phát thải nhà kính, tiết kiệm năng lượng và hướng đến nền nông nghiệp hữu cơ. Công ty chủ động áp dụng công nghệ hiện đại, cải tiến quy trình sản xuất và tối ưu hóa chuỗi cung ứng để giảm tác động tiêu cực từ hoạt

động nông nghiệp. Đồng thời, việc sử dụng bao bì tái chế và mở rộng các chương trình ứng dụng năng lượng tái tạo thể hiện cam kết rõ ràng của SSC trong việc phát triển nông nghiệp bền vững. SSC nỗ lực mở rộng ứng dụng các giải pháp môi trường nhằm nâng cao tính bền vững trong chuỗi cung ứng dài hạn.

### Đánh giá Vấn Đề Người Lao Động

Về trách nhiệm xã hội, SSC luôn ưu tiên xây dựng môi trường làm việc công bằng, an toàn và chuyên nghiệp cho đội ngũ nhân sự. Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các chính sách về lao động, tiền lương và phúc lợi, đồng thời đầu tư vào đào tạo, phát triển năng lực cho nhân viên và nông dân. Chúng tôi tin rằng, chỉ khi nhân sự phát triển và gắn kết, công ty mới có thể đạt được những bước tiến dài hạn.

### Đánh giá Trách nhiệm của Công ty với Cộng đồng Địa phương

Với cộng đồng, SSC luôn đồng hành cùng bà con nông dân thông qua các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp giống chất lượng cao và kết nối thị trường tiêu thụ nông sản. Chúng tôi xem đây là trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc góp phần cải thiện sinh kế cho nông dân và thúc đẩy sự phát triển chung của ngành nông nghiệp Việt Nam.

Đồng thời, SSC đã thực hiện tốt vai trò hỗ trợ cộng đồng thông qua những hoạt động thiện nguyện và cam kết đồng hành cùng nông dân thể hiện trách nhiệm xã hội của công ty. Ngoài ra, SSC cũng chú trọng đến bảo vệ môi trường địa phương, đảm bảo sản xuất xanh và giảm tác động tiêu cực đến hệ sinh thái.

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

#### **Bối cảnh chung**

Trong năm 2025, bối cảnh vĩ mô và thị trường có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty SSC. Ngành nông nghiệp tiếp tục đối mặt với những khó khăn do biến đổi khí hậu, đặc biệt là tình trạng xâm nhập mặn và hạn hán, làm giảm năng suất nông sản tại một số khu vực trọng điểm. Đồng thời, giá nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là các loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, gia tăng đáng kể do tình hình kinh tế toàn cầu không ổn định và xung đột địa chính trị. Những yếu tố này tạo áp lực lớn lên chi phí sản xuất và làm gia tăng sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành.



Trước những cơ hội và thách thức của kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có những thuận lợi và khó khăn sau:

### A. Thuận lợi

- Sự hỗ trợ của Tập đoàn Vinaseed, sự phối hợp với các Công ty thành viên trong Tập đoàn để thực hiện công tác hoạch định và thực hiện kế hoạch SXKD (bao gồm sản xuất, kinh doanh, phát triển sản phẩm, chế biến, bảo quản và quản lý chất lượng...)
- Thương hiệu SSC vẫn giữ vị thế mạnh trên thị trường và luôn được sự tín nhiệm của người tiêu dùng;

### B. Khó khăn

- **Năng lực chất lượng giống chưa đồng đều:** Tỷ lệ sử dụng **giống F1** ở nông dân còn thấp do chi phí cao nên ảnh hưởng đến bán hàng của Công ty.
- **Chi phí nghiên cứu và nhân lực hạn chế:** Chi phí đầu tư R&D cao, thiếu chuyên gia chọn tạo giống trình độ cao, dẫn tới kết quả sản xuất giống mới đáp ứng tiêu chuẩn còn chậm so yêu cầu của thị trường.
- **Biến đổi khí hậu gây bất ổn trong sản xuất:** Tác động của thiên tai, hạn hán, lũ lụt gây *bất ổn về chất lượng giống* và giảm năng suất đầu ra. Đây là thách thức lớn cần giống chịu đựng tốt hơn và quản lý sản xuất linh hoạt hơn.
- **Cạnh tranh từ giống nhập khẩu:** Thị trường nội địa đang cạnh tranh gay gắt với giống nhập khẩu có ưu thế về năng suất, đặc tính tốt hơn buộc Công ty phải đẩy mạnh phát triển giống của Tập đoàn trong hoạt động R&D.
- **Hệ thống pháp lý:** Việc quản lý giống không kiểm soát chặt trên thị trường nên khó bảo vệ được các giống có bản quyền của Công ty.
- **Quy trình kiểm định và sở hữu trí tuệ:** Thủ tục đăng ký giống mới còn phức tạp, tốn thời gian, đồng thời yêu tố bảo hộ giống cây trồng và xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

Trong điều kiện năm 2025 gặp rất nhiều khó khăn về thị trường & sản phẩm. SSC đã tận dụng cơ hội nhưng chưa hoàn thành kế hoạch kinh doanh về doanh thu do Đại hội đồng cổ đông giao, tỷ lệ cụ thể như sau:

- ✓ **Doanh thu thuần** đạt **302,9 tỷ đồng** đạt **71%** so với kế hoạch năm 2025 & **bằng 78%** so với cùng kỳ;
- ✓ **Lợi nhuận sau thuế** đạt **13,85 tỷ đồng**, đạt 24% so với kế hoạch năm 2025 và **bằng 32%** so với cùng kỳ.

Thực hiện đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, các chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quy chế, thực thi đúng chức năng, phân cấp quản trị.

### Chi trả cổ tức năm 2024

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, SSC đã chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, tỷ lệ cổ tức: 20%/vốn điều lệ, còn tỷ lệ 10% thực hiện chi trả trong tháng 6/2026.

### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường, HĐQT đã định hướng và khuyến khích Ban Điều hành đưa ra kế hoạch "sản xuất xanh" đảm bảo phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Trong suốt những năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện sự tận tâm và nỗ lực trong việc thực thi, lên kế hoạch và xây dựng chiến lược rõ ràng cho các hoạt động môi trường, xã hội và cộng đồng. Bằng cách hợp tác chặt chẽ với các bộ phận liên quan, Ban Tổng Giám đốc đã thúc đẩy thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường trong sản xuất và kinh doanh của công ty. Cụ thể, các biện pháp như tiết kiệm nguyên vật liệu, tái sử dụng bao bì, sử dụng thiết bị điện tiết kiệm năng lượng, và sử dụng nước tiết kiệm đã được triển khai một cách hiệu quả. Đồng thời, việc bảo trì định kỳ

cho các thiết bị sản xuất và máy móc đã giúp giảm thiểu lượng rác thải phát sinh và tối ưu hóa năng suất. Không chỉ tập trung trực tiếp, HĐQT cũng đề cao việc đào tạo cho CBNV có ý thức trong việc tiết kiệm tài nguyên và thực hiện các hoạt động tiết kiệm một cách hiệu quả và bền vững. Nhờ triển khai các chính sách một cách triệt để, Công ty đã giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường, đồng thời nâng cao hiệu quả sản xuất và tăng cường uy tín của Công ty trong mắt khách hàng và các đối tác kinh doanh. HĐQT tin tưởng rằng, với sự quan tâm và nỗ lực của toàn bộ ban lãnh đạo và CBNV, Công ty sẽ đạt được mục tiêu trở thành một trong những doanh nghiệp hạt giống hàng đầu phát triển bền vững.

Bên cạnh môi trường, HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Điều hành trong công tác xây dựng chính sách người lao động. Từ công tác tuyển dụng, chế độ làm việc đến chính sách đào tạo và lương thưởng, phúc lợi, SSC luôn dành sự chú trọng, đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ Luật Lao động 2019. HĐQT trân trọng sự nỗ lực của từng CBNV trong suốt quá trình hình thành phát triển, đóng góp nên một SSC trưởng thành và luôn phấn đấu hoàn thiện bản thân.



Bên cạnh mang lại giá trị thực tế cho các cổ đông và các bên liên quan, SSC còn nỗ lực đóng góp giá trị cho cộng đồng xã hội. Trong những năm qua, Công ty phát huy tinh thần tương thân tương ái, chia sẻ với các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, những mảnh đời bất hạnh. SSC trân trọng cũng như lấy giá trị cộng đồng là kim chỉ nam cho hành động, nỗ lực ghi tên mình trên hành trình vì cộng đồng.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, điều hành SXKD của Ban Tổng Giám đốc và việc triển khai các Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên, Nghị quyết HĐQT trong năm 2025 như sau:

✓ **Hoạt động giám sát:**

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT năm 2025. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 (*số liệu đã kiểm toán*):
  - **Doanh thu thuần** đạt **302,9 tỷ đồng** đạt **71%** so với kế hoạch năm 2025 & **bằng 78%** so với cùng kỳ.
  - **Lợi nhuận sau thuế** đạt **13,85 tỷ đồng**, đạt 24% so với kế hoạch năm 2025 và **bằng 32%** so với cùng kỳ.
- Giám sát công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, ngày 15/4/2025 của Công ty HĐQT, đã triển khai thực hiện các nội dung công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo đúng thời gian quy định.
- Giám sát hoạt động kinh doanh, bán hàng, công nợ, kênh phân phối Đại lý/khách hàng của Công ty, giám sát hàng hóa tồn kho, chất lượng sản phẩm.
- Giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động vùng nguyên liệu sản xuất kinh doanh; Giám sát các khoản trích lập dự phòng, rủi ro của Công ty.
- Giám sát số liệu tài chính, kế toán, hàng tồn kho; Giám sát công tác tài chính, các khoản vay nội bộ của thành viên trong Tập đoàn, quyết toán thuế với cơ quan thuế.
- Giám sát kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2024 (*tỷ lệ chi trả đợt là 20% /vốn điều lệ*).
- Giám sát sử dụng nguồn vốn lưu động trong sản xuất kinh doanh, khai thác dòng tiền, đảm bảo an toàn vốn. Hoạt động cho vay nội bộ hỗ trợ các thành viên Tập đoàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám sát phát triển sản phẩm mới, việc nhận chuyển nhượng và chuyển giao công nghệ sản xuất các giống bắp, lúa bản quyền của đối tác.
- Giám sát việc tuân thủ các giống chưa được công nhận lưu hành đưa vào kinh doanh và nhận định đánh giá cả rủi ro có ảnh hưởng đến Công ty.
- Giám sát công tác hỗ trợ hệ thống đại lý/khách hàng khi chính sách thuế thay đổi trong hoạt động kinh doanh.
- Giám sát công tác đầu tư xây dựng cơ bản, hệ thống PCCC đối với các tài sản của Công ty cho Công ty thành viên trong Tập đoàn thuê phục vụ cho hoạt động SXKD.
- Giám sát, chỉ đạo Ban Điều hành tập trung thúc đẩy tiến độ gia hạn đất Chi nhánh; Tập trung kiến nghị cơ quan Thuế điều chỉnh đơn giá thuê đất của Chi nhánh Phú Giáo.
- Giám sát và chỉ đạo Ban Điều hành trong công tác kiểm tra thuế.

✓ **Kết quả giám sát: Qua chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, HĐQT đánh giá Ban Điều hành:**

- Tuân thủ thực hiện đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, các chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế công ty, thực thi công việc đúng chức năng, thẩm quyền, phân cấp quản trị.
- HĐQT đánh giá kết quả năm 2025 đạt rất thấp về các chỉ tiêu chủ yếu mà ĐHĐCĐ thông qua: **Ban Điều hành không hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận như mục tiêu đề ra.**

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

#### Mục tiêu kinh doanh năm 2026

| TT | Chỉ tiêu  | ĐVT     | Kế hoạch năm 2026 | Thực hiện năm 2025 | Thực hiện năm 2024 | Tỷ lệ tăng trưởng 2026/2025 | Tỷ lệ tăng trưởng 2026/2024 |
|----|-----------|---------|-------------------|--------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 1  | Doanh thu | Tỷ đồng | 385,2             | 302,9              | 388,0              | 127%                        | 99%                         |
| 2  | Lãi gộp   | Tỷ đồng | 103,6             | 87,4               | 111,1              | 119%                        | 93%                         |

|   |      |         |      |      |      |      |     |
|---|------|---------|------|------|------|------|-----|
| 3 | LNTT | Tỷ đồng | 50,0 | 20,5 | 53,9 | 244% | 93% |
| 4 | LNST | Tỷ đồng | 40,0 | 13,8 | 42,5 | 290% | 94% |

(*Ghi chú: Do kết quả thực hiện năm 2025, phát sinh các chi phí bất thường làm giảm các chỉ tiêu về LNTT & LNST, nên kế hoạch năm 2026 sẽ so sánh mức tăng trưởng với kết quả thực hiện năm 2024).*

**Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2026 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:**

| STT      | Hạng mục  | Dự toán (tỷ đồng) |
|----------|---|-------------------|
| <b>I</b> | <b>CN Củ Chi</b>  | <b>2,50</b>       |
| 1        | Cải tạo lớn và cơ giới hóa  |                   |
|          | <i>Cơ giới K5 &amp; bin sấy</i>   |                   |
|          | <i>Hệ thống lấy, filter bụi</i>   |                   |
| 2        | Xe nâng 3 tấn (đã qua sử dụng)  |                   |
| <b>I</b> | <b>CN Cờ Đỏ</b>   | <b>2,00</b>       |
| 1        | Sắp xếp lại hệ thống sấy  |                   |
|          | <i>Đầu tư thiết bị, di dời hệ thống CL3, kết nối hệ thống sấy 150 tấn</i> |                   |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>4,50</b>       |

✓ **Mục tiêu quản trị**

HDQT yêu cầu Ban Điều hành triển khai một số nội dung trọng tâm của kế hoạch kinh doanh năm 2026:

- Sắp xếp lại bộ phận Kinh doanh & Marketing tăng cường công tác phát triển sản phẩm và đẩy mạnh tăng trưởng sản phẩm hạt rau, đảm bảo thực hiện tăng trưởng lúa, bắp theo các mục tiêu xây dựng năm 2026.
- Cần tập trung quản trị việc thực hiện kế hoạch doanh thu & lãi gộp hạt giống của 3 đơn vị kinh doanh để chỉ đạo, điều hành, giải pháp kịp thời; kế hoạch nông sản và gia công theo dõi riêng.
- Tập trung tiêu thụ sản phẩm tồn kho lớn như lúa thuần OM 5451, lúa lai HR182, bắp nếp CX 247. Riêng đối với hàng tồn bắp vàng SSC 587, SSC 586 cần có giải pháp phối hợp với Tập đoàn để giảm rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tập trung các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao để đảm bảo tỷ lệ bình quân chung: lợi nhuận sau thuế/Doanh thu phải lớn hơn 10% thì mới đạt hiệu quả.
- Chủ động kế hoạch bán hàng, xây dựng phương thức, chính sách bán hàng linh hoạt và không lệ thuộc vào hệ thống đại lý cấp 1, vào thương lái mà phải có giải pháp linh hoạt và thay đổi đảm bảo mục tiêu đề ra.
- Cơ chế tiền lương, thưởng khuyến khích nhân viên kinh doanh.
- Công tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ quản lý kế thừa.
- Xây dựng chính sách bán hàng từ đầu vụ và có phương án để điều chỉnh theo thị trường.
- Rà soát các hợp đồng đại lý, hợp đồng thuê kho để đảm bảo việc bán hàng, xuất hóa đơn và chứng từ theo quy định của pháp luật thuế có liên quan.

✓ **Phương hướng:**

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026, Hội đồng Quản trị cần phải tập trung vào những phương hướng chủ yếu sau đây:

- Tiếp tục chú trọng công tác phát triển các sản phẩm mới VNR98, VNR86, LS70 Diamond999, HN66,... Tiếp tục phát triển Bắp vàng cho chăn nuôi.
- Khai thác và tối ưu cơ sở vật chất; Đầu tư nâng cấp, đổi mới thiết bị công nghệ, xây dựng mở rộng cơ sở vật chất kho tàng, máy móc thiết bị phục vụ công tác sản xuất-chế biến-bảo quản kinh doanh hạt giống bắp, rau, màu và công tác quản lý.
- Tập trung chiến lược kinh doanh sản phẩm chủ yếu là bắp, rau màu; đầu tư đủ nhân lực, cơ sở vật chất để tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ sinh học hỗ trợ hoạt động chọn tạo giống.
- Duy trì và mở rộng vùng nguyên liệu có điều kiện sinh thái phù hợp để sản xuất hạt giống lai; Nâng cao duy trì nhà xưởng thiết bị để phục vụ CBBQ.
- Triển khai các ứng dụng chuyển đổi số để nâng cao năng lực quản trị tại hội sở và các đơn vị trực thuộc.
- Tập trung giải quyết các khó khăn về thủ tục gia hạn đất các Chi nhánh.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị:



#### a. Thành phần và cơ cấu HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2025:

| STT | Thành viên      | Chức vụ                                      | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-----------------|--|--------------------|--------------|
| 1   | Hàng Phi Quang  | Chủ tịch HĐQT<br>(thành viên Độc lập)        | 0                  | 0%           |
| 2   | Đặng Văn Vinh   | Ủy viên HĐQT<br>(thành viên Điều hành)       | 0                  | 0%           |
| 3   | Nguyễn Anh Tuấn | Ủy viên HĐQT<br>(thành viên không điều hành) | 0                  | 0%           |
| 4   | Lê Quốc Phong   | Ủy viên HĐQT<br>(thành viên Độc lập)         | 0                  | 0%           |

**Danh sách thành viên HĐQT có chức vụ tại Công ty khác**

| STT | Thành viên      | Thành viên HĐQT tại Công ty khác | Chức vụ tại Công ty khác   |
|-----|-----------------|----------------------------------|--|
| 1   | Hàng Phi Quang  | Không có                         | Không có   |
| 2   | Đặng Văn Vinh   | Không có                         | Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam    |
| 3   | Lê Quốc Phong   | Không có                         | Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền 2                     |
| 4   | Nguyễn Anh Tuấn | Không có                         | Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam |

**b. Tình hình thay đổi thành viên HĐQT**

– Ngày 15/4/2025, các thành viên Hội đồng quản trị kết thúc nhiệm kỳ 2020 – 2025:

| TT | Thành viên HĐQT   | Chức vụ<br>(thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập |                               |
|----|-------------------|---|--|-------------------------------|
|    |                   |   | Ngày bổ nhiệm  | Ngày miễn nhiệm               |
| 1  | Trần Kim Liên     | Chủ tịch – không điều hành                                    | Từ 25/6/2020   | 15/4/2025 (kết thúc nhiệm kỳ) |
| 2  | Hàng Phi Quang    | Phó Chủ tịch – Thành viên HĐQT độc lập                        | Từ 25/6/2020   | 15/4/2025 (kết thúc nhiệm kỳ) |
| 3  | Đặng Văn Vinh     | Thành viên HĐQT Điều hành                                     | Từ 22/4/2024   | 15/4/2025 (kết thúc nhiệm kỳ) |
| 5  | Dương Quang Sáu   | TV HĐQT không điều hành                                       | Từ 25/6/2020   | 15/4/2025 (kết thúc nhiệm kỳ) |
| 6  | Nguyễn Quốc Phong | Thành viên HĐQT Điều hành                                     | Từ 21/4/2023   | 15/4/2025 (kết thúc nhiệm kỳ) |

**c. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2025 -2030**

| TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ<br>(thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập |                 |
|----|-----------------|---|--|-----------------|
|    |                 |   | Ngày bổ nhiệm  | Ngày miễn nhiệm |
| 1  | Hàng Phi Quang  | Chủ tịch - Không điều hành                                    | Từ 15/4/2025   | –               |

|   |                     |                                       |              |                         |
|---|---------------------|---------------------------------------|--------------|-------------------------|
| 2 | Nguyễn Quang Trường | Nguyên Phó Chủ tịch – Không điều hành | Từ 15/4/2025 | Từ nhiệm ngày 11/6/2025 |
| 3 | Đặng Văn Vinh       | Thành viên HĐQT Điều hành             | Từ 15/4/2025 | –                       |
| 4 | Nguyễn Anh Tuấn     | Thành viên HĐQT không điều hành       | Từ 15/4/2025 | –                       |
| 5 | Lê Quốc Phong       | Thành viên HĐQT độc lập               | Từ 15/4/2025 | –                       |

- Ngày 11/6/2025, Hội đồng quản trị công bố thông tin ông Nguyễn Quang Trường – Phó Chủ tịch HĐQT có đơn từ nhiệm, có hiệu lực kể từ ngày 11/6/2025.

**d. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị hiện có 02 Tiểu ban trực thuộc, cụ thể như sau:

| STT | Tiểu ban thuộc HĐQT   | Thành viên  |
|-----|---|---|
| 1   | Tiểu Ban Chiến lược – Đầu tư & Công nghệ ( <i>hợp nhất từ Tiểu Ban Tài cấu trúc và Đầu tư &amp; Tiểu ban Khoa học và Công nghệ</i> ). | Hàng Phi Quang, – Trưởng Tiểu ban<br>Lê Quốc Phong – Thành viên<br>Trần Trương Tấn Tài – PTGD Vinaseed – Thành viên |
| 2   | Tiểu Ban Nhân sự – Lương thưởng & Tổ chức: ( <i>thay đổi từ Tiểu Ban Nhân sự - Lương thưởng</i> )                                     | Nguyễn Anh Tuấn – Trưởng Tiểu ban<br>Ông Đặng Văn Vinh – Thành viên<br>Ông Lê Quốc Phong – Thành viên               |

**e. Các cuộc họp HĐQT (năm 2025): nhiệm kỳ 2025 -2030**

| TT | Thành viên HĐQT     | Chức vụ                               | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp (%) | Lý do không tham dự họp |
|----|---------------------|---------------------------------------|--------------------------|-----------------------|-------------------------|
| 1  | Hàng Phi Quang      | Chủ tịch – Không điều hành            | 4                        | 100%                  |                         |
| 2  | Nguyễn Quang Trường | Nguyên Phó Chủ tịch – Không điều hành | 1                        | 100%                  | Từ nhiệm ngày 11/6/2025 |
| 3  | Đặng Văn Vinh       | Thành viên HĐQT điều hành             | 4                        | 100%                  |                         |
| 4  | Nguyễn Anh Tuấn     | Thành viên HĐQT không điều hành       | 4                        | 100%                  |                         |
| 5  | Lê Quốc Phong       | Thành viên HĐQT độc lập               | 4                        | 100%                  |                         |

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã họp 06 phiên họp và ban hành 16 Nghị quyết liên quan đến chỉ đạo Ban Điều hành về hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

| TT | Số Nghị quyết | Ngày ban hành | Nội dung  |
|----|---------------|---------------|---|
| 1  | 01/NQ-HĐQT    | 06/01/2025    | – Thông qua việc giải thể Chi nhánh Trung tâm Kinh doanh và Phát triển hạt giống Rau Hoa (CTVS).  |
| 2  | 01A/NQ-HĐQT   | 17/01/2025    | – Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2024 & kế hoạch SXKD năm 2025.   |
|    |               |               | – Thông qua việc thành lập Văn phòng đại diện tại TP.HCM.   |
| 3  | 02/NQ-HĐQT    | 21/01/2025    | – Thông qua việc phê duyệt các hợp đồng, giao dịch với Người/các bên có liên quan phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Công ty.  |
| 4  | 03/NQ-HĐQT    | 03/02/2025    | – Thông qua kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.   |
| 5  | 04/NQ-HĐQT    | 05/3/2025     | – Thông qua kết quả kinh doanh quý 1/2025.  |
|    |               |               | – Thông qua kế hoạch kinh doanh quý 2/2025.   |
|    |               |               | – Thông qua việc phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2025.   |
|    |               |               | – Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT kiêm Phụ trách quản trị Công ty hàng tháng.  |
|    |               |               | – Thông qua các nội dung báo cáo, Tờ trình của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.   |
| 6  | 05/NQ-HĐQT    | 11/6/2025     | – Phê chuẩn chấp thuận đơn từ nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị & thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Quang Trường.   |
| 7  | 06/NQ-HĐQT    | 16/6/2025     | – Phê chuẩn miễn nhiệm ông Nguyễn Quốc Phong – Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Kinh doanh thời công tác quản lý, điều hành.   |
| 8  | 07/NQ-HĐQT    | 10/7/2025     | – Thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025.  |
|    |               |               | – Thông qua mục tiêu kinh doanh tháng 6 tháng cuối năm 2025.  |
|    |               |               | – Thông qua điều chỉnh các Tiểu ban của Hội đồng quản trị và nhân sự các Tiểu Ban:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Tiểu ban Chiến lược – Đầu tư và Công nghệ</li> <li>✓ Tiểu ban Nhân sự – Lương thưởng và Tổ chức</li> </ul> |

|    |            |            |  |
|----|------------|------------|--|
|    |            |            | (Và phê chuẩn nhân sự Trưởng Tiểu ban và các thành viên của các Tiểu ban)  |
|    |            |            | – Phê duyệt chuyên địa điểm Văn phòng Chi nhánh Cambodia theo nội dung Tờ trình của Ban Điều hành, ngày 10/7/2025.   |
| 9  | 08/NQ-HĐQT | 16/7/2025  | – Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức đợt 1 năm 2024   |
| 10 | 09/NQ-HĐQT | 06/8/2025  | – Thông qua chủ trương vay vốn Ngân hàng.  |
| 11 | 10/NQ-HĐQT | 28/8/2025  | – Thông qua việc sắp xếp cơ cấu tổ chức của SSC.   |
|    |            |            | – Phê chuẩn việc sắp xếp nhân sự quản lý cấp trung.  |
| 12 | 11/NQ-HĐQT | 28/8/2025  | – Phê chuẩn việc chỉ định Người đại diện phần vốn của SSC tại Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (VINARICE).  |
| 13 | 12/NQ-HĐQT | 09/10/2025 | – Thông qua việc tiếp nhận & bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty.   |
| 14 | 13/NQ-HĐQT | 02/12/2025 | – Thông qua kết quả kinh doanh năm 2025 ( <i>ước thực hiện các chỉ tiêu cơ bản</i> ).  |
|    |            |            | – Thông qua kế hoạch kinh doanh – Sản xuất – Đầu tư năm 2026:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Kế hoạch kinh doanh năm 2026.</li> <li>✓ Kế hoạch Sản xuất năm 2026.</li> <li>✓ Kế hoạch ĐTXDCB năm 2026.</li> </ul> |
|    |            |            | – Thông qua chủ trương và đề xuất Tập đoàn Vinaseed cho SSC thực hiện quỹ tiền lương, thưởng năm 2025.   |
| 15 | 14/NQ-HĐQT | 31/12/2025 | – Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.   |
| 16 | 15/NQ-HĐQT | 31/12/2025 | – Thông qua việc tiếp nhận và bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.  |

**e. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

- ✓ **Tiểu Ban Chiến lược - Đầu tư & Công nghệ** (*hợp nhất từ Tiểu Ban Tái cấu trúc và Đầu tư & Tiểu ban Khoa học và Công nghệ*)
- Thảo luận thay đổi hoạt động của CTVS chuyển thành Phòng Kinh doanh 2, và Phòng Kinh doanh thành Phòng Kinh doanh 1, công tác tái cấu trúc và định biên theo chủ trương của Tập đoàn.
- Định hướng hoạt động kinh doanh sản phẩm lúa thuần khu vực ĐBSCL của SSC cho phù hợp trong chiến lược chung của Tập đoàn.
- Thảo luận chiến lược kinh doanh 3 năm, giai đoạn 2025 – 2027.
- Định hướng xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất phù hợp với các công ty thành viên trong chiến lược chung của Tập đoàn.
- Thảo luận cho vay đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên kết, Công ty thành viên trong Tập đoàn.

- Thảo luận phương án vay vốn Ngân hàng đảm bảo cân đối nguồn tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thảo luận tiến độ gia hạn đất đai các Chi nhánh; đơn giá thuê đất tại Chi nhánh Phú Giáo; Phạm Văn Cội, Chi nhánh Cờ Đỏ, Chi nhánh Lâm Hà, Chi nhánh Tây Nguyên.
- Thảo luận Thành lập Văn phòng Đại diện tại TP.HCM & thảo luận việc chuyển văn phòng làm việc của Chi nhánh Cambodia.
- Thảo luận định hướng chiến lược và giải pháp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh hạt giống bắp nếp, rau màu, đậu, vật tư nông nghiệp.
- Thảo luận xây dựng chiến lược sản xuất theo Đề án canh tác 1 triệu ha lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng, chính sách, các chương trình hoạt động liên quan đến phát triển bền vững.
- Thảo luận chiến lược phát triển sản phẩm mới, việc nhận chuyển nhượng các giống bắp, lúa bản quyền của đối tác Viện, Tập đoàn Vinaseed và đối tác khác.
- Thảo luận việc sắp xếp tổ chức sáp nhập Phòng Sản xuất vào Chi nhánh Phú Giáo.
- Thảo luận việc tái cấu trúc khối Kinh doanh và Marketing theo định hướng kinh doanh năm 2026 & chiến lược kinh doanh tập trung mảng rau màu.

✓ **Tiểu Ban Nhân sự – Lương thưởng & Tổ chức: (thay đổi từ Tiểu Ban Nhân sự – Lương thưởng)**

- Thảo luận đơn giá tiền lương năm 2025.
- Thảo luận quyết toán thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024 & phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025.
- Thảo luận tổng kết HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 và công tác chuẩn bị nhân sự cho nhiệm kỳ mới 2025 – 2030.
- Thảo luận kiện toàn nhân sự cấp quản lý Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- Thảo luận mô hình và triển khai Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch Điều hành để hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.
- Thảo luận về thời gian chi trả cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2024.
- Thảo luận đề xuất lựa chọn của Ban Kiểm soát chọn Công ty kiểm toán Công ty TNHH Deloitte Việt Nam để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của SSC.
- Thảo luận việc xây dựng lại các Tiểu ban của Hội đồng quản trị & đề cử nhân sự các Tiểu Ban.
- Thảo luận kiện toàn miễn nhiệm, bổ nhiệm nhân sự Tổng Giám đốc Công ty.

**f. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

Thành viên độc lập tham gia các chương trình hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị như nội dung hoạt động của các tiểu ban.

**g. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có**

- Ông Đặng Văn Vinh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tham dự khóa đào tạo chương trình **Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị** do VOID tổ chức tháng 3/2025.
- Ông Lê Thái Bình – Phụ trách Quản trị Nội bộ kiêm Thư ký Công ty tham gia khóa đào tạo về Chương trình **Chuyên sâu về Thư ký Quản trị Công ty** do VOID tổ chức tháng 3/2025.

**2. Ban Kiểm soát**

**a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Tính tại ngày 31/12/2025

| STT | Thành viên      | Chức vụ    | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-----------------|------------|--------------------|--------------|
| 1   | Phan Thế Tý     | Trưởng ban | 0                  | 0%           |
| 2   | Mai Thảo Nguyên | Ủy viên    | 0                  | 0%           |
| 3   | Phan Vũ Linh    | Ủy viên    | 0                  | 0%           |

**b. Tình hình thay đổi thành viên Ban kiểm soát:**

– Ngày 15/4/2025, các thành viên Ban Kiểm soát kết thúc nhiệm kỳ 2020 – 2025

**1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2020 – 2025**

| TT | Thành viên BKS      | Chức vụ    | Ngày không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn                    |
|----|---------------------|------------|----------------------------------|--|
| 1  | Phan Thế Tý         | Trưởng Ban | 15/4/2025                        | Cử nhân kinh tế – Chuyên ngành Kế toán |
| 2  | Văn Thị Ngọc Ánh    | Thành viên | 15/4/2025                        | Cử nhân chuyên ngành tài chính         |
| 3  | Nguyễn Thị Thanh Hà | Thành viên | 15/4/2025                        | Cử nhân chuyên ngành tài chính         |

**2. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2025 – 2030**

| TT | Thành viên BKS  | Chức vụ    | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn                    |
|----|-----------------|------------|--------------------------------|--|
| 1  | Phan Thế Tý     | Trưởng Ban | 15/4/2025                      | Cử nhân Kinh tế – Chuyên ngành Kế toán |
| 2  | Mai Thảo Nguyên | Thành viên | 15/4/2025                      | Cử nhân Kế toán                        |
| 3  | Phan Vũ Linh    | Thành viên | 15/4/2025                      | Cử nhân Kế toán Doanh nghiệp           |

**3. Các cuộc họp Ban Kiểm soát (năm 2025): Nhiệm kỳ 2025 – 2030**

| TT | Thành viên BKS  | Chức vụ    | Số buổi tham dự | Tỷ lệ tham dự họp (%) | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Lý do không tham dự họp |
|----|-----------------|------------|-----------------|-----------------------|----------------------|-------------------------|
| 1  | Phan Thế Tý     | Trưởng Ban | 03              | 100%                  | 100%                 |                         |
| 2  | Mai Thảo Nguyên | Thành viên | 03              | 100%                  | 100%                 |                         |
| 3  | Phan Vũ Linh    | Thành viên | 03              | 100%                  | 100%                 |                         |

#### 4. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông:

- ĐHCĐ thường niên năm 2025, các phiên họp của HĐQT có sự tham gia của Ban Kiểm soát để tham gia ý kiến thảo luận, báo cáo kết quả kiểm soát các hoạt động của Công ty & đề xuất HĐQT.
- Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động giám sát thường xuyên, định kỳ hàng quý đối với Ban Điều hành Công ty, kiểm soát khi có vấn đề ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty để kiến nghị HĐQT, Ban Điều hành tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định quản lý nội bộ hiện hành.
- Ban Kiểm soát tham gia ý kiến lựa chọn đối với Công ty TNHH DeLoitte Việt Nam trong việc thực hiện soát xét báo cáo tài chính năm 2025.
- Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, được công bố theo đúng quy định.
- Các khoản chi phí tồn đọng, hàng kém phẩm chất, trích lập dự phòng công nợ, hàng tồn kho giảm giá, khoản thu khó đòi theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và theo quy chế, quy định quản lý của Công ty đã ban hành.

#### 5. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban Kiểm soát phối hợp với chặt chẽ với Hội đồng quản trị trong các phiên họp của HĐQT, Ban Điều hành đều có tham gia ý kiến đóng góp, báo cáo về công tác kiểm soát về kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2025;
- Ban Kiểm soát phối hợp với chặt chẽ với Ban Điều hành trong việc kiểm tra, kiểm soát định kỳ, kiểm tra các hoạt động có ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty, hoạt động vay của các công ty thành viên trong nội bộ, công ty liên kết. Ban Điều hành bố trí nhân sự, tạo điều kiện làm việc cho Ban Kiểm soát thuận lợi, cung cấp các thông tin về báo cáo tài chính, hoạt động kinh doanh, chi phí đầy đủ, rõ ràng, kịp thời.

#### 6. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát năm 2025

#### a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

(Đơn vị tính: đồng/năm)

| STT      | Họ và tên                | Chức danh                | Thù lao     | Lương, thưởng |
|----------|--------------------------|--------------------------|-------------|---------------|
| <b>I</b> | <b>Hội đồng quản trị</b> |                          |             |               |
| 1        | Hàng Phi Quang           | Chủ tịch                 | 144.000.000 |               |
| 2        | Đặng Văn Vinh            | UV. HĐQT                 | 144.000.000 |               |
| 3        | Nguyễn Anh Tuấn          | UV. HĐQT                 | 22.800.000  |               |
| 4        | Lê Quốc Phong            | UV. HĐQT                 | 22.800.000  |               |
| 5        | Trần Kim Liên            | Nguyên Chủ tịch HĐQT     | 121.200.000 |               |
| 6        | Nguyễn Quang Trường      | Nguyên Phó Chủ tịch HĐQT | 17.100.000  |               |
| 7        | Dương Quang Sáu          | UV. HĐQT                 | 121.200.000 |               |

|                                  |                     |   |            |             |
|----------------------------------|---------------------|---|------------|-------------|
| 8                                | Nguyễn Quốc Phong   | UV. HĐQT                                      | 90.000.000 |             |
| <b>II Ban Kiểm Soát</b>          |                     |   |            |             |
| 1                                | Phan Thế Tý         | Trưởng ban                                    | 76.800.000 |             |
| 2                                | Văn Thị Ngọc Ánh    | Ủy viên                                       | 64.640.000 |             |
| 3                                | Nguyễn Thị Thanh Hà | Ủy viên                                       | 64.640.000 |             |
| 4                                | Mai Thảo Nguyên     | Ủy viên                                       | 12.160.000 |             |
| 5                                | Phan Vũ Linh        | Ủy viên                                       | 12.160.000 |             |
| <b>III Ban Tổng Giám đốc</b>     |                     |   |            |             |
| 1                                | Đặng Văn Vinh       | Nguyên Tổng Giám đốc                          | -          | 974.576.923 |
| 2                                | Nguyễn Đình Nam     | Phó Tổng Giám đốc Phụ trách quản trị          | -          | 701.500.000 |
| 3                                | Nguyễn Quốc Phong   | Nguyên Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Kinh doanh | -          | 451.811.111 |
| 4                                | Lê Minh Chánh       | Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Sản xuất          | -          | 137.185.185 |
| 5                                | Nguyễn Thị Phong    | Nguyên Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Sản xuất   | -          | 612.210.000 |
| <b>IV Kế toán trưởng Công ty</b> |                     |   |            |             |
| 1                                | Lâm Tuấn Lạc        | Nguyên Kế toán trưởng                         | -          | 453.500.000 |

**b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:** Không có

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:**

- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

| TT | Tên tổ chức                                       | Mối liên hệ với Công ty     | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp   | Địa chỉ trụ sở chính   | Thời điểm giao dịch với Công ty | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ / HĐQT thông qua (nếu có), nêu rõ ngày ban hành | Nội dung, số lượng, giá trị giao dịch |                    |
|----|---|-----------------------------|---|--|---------------------------------|--|---------------------------------------|--------------------|
|    |   |                             |   |  |                                 |  | Nội dung                              | Tổng giá trị (VNĐ) |
| 1  | Công ty cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam | Cổ đông lớn (Công ty mẹ)    | 0101449271,<br>Ngày cấp:<br>11/01/2019<br>Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội                              | Số 01 Lương Định Của, phường Kim Liên, TP. Hà Nội            |                                 |  | Phải trả/đã trả cổ tức                | 25.589.724.000     |
|    |   |                             |   |  |                                 |  | Cung cấp hàng hóa, dịch vụ            | 21.769.315.530     |
|    |   |                             |   |  |                                 |  | Mua hàng hóa, dịch vụ                 | 15.341.350.500     |
|    |   |                             |   |  |                                 |  | Lãi cho vay                           | 993.424.658        |
|    |   |                             |   |  |                                 |  | Thu tiền lãi vay                      | 1.120.821.918      |
| 2  | Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam                     | Công ty liên kết            | Số 140213347, cấp lần đầu: ngày 01/11/2019, nơi cấp Sở KHĐT tỉnh Đồng Tháp                        | Cụm Công nghiệp Trường Xuân, xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp  | Năm 2025                        | Số 02/NQ-HĐQT, ngày 21/01/2025   | Cung cấp hàng hóa, dịch vụ            | 6.250.336.973      |
|    |   |                             |   |  |                                 |  | Mua hàng hóa, dịch vụ                 | 3.953.854.336      |
|    |   |                             |   |  |                                 |  | Thu cổ tức                            | 0                  |
|    |   |                             |   |  |                                 |  | Lãi cho vay                           | 5.127.397.259      |
| 3  | Công ty cổ phần Tập đoàn PAN                      | Cổ đông lớn của Công ty mẹ) | Số 0301472704, cấp lần đầu ngày 31/08/2005, nơi cấp Sở KHĐT Long An & theo các GCNĐKDN điều chỉnh | Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh |                                 |  | Thu tiền lãi vay                      | 5.136.986.299      |

|   |  |  |   |  |  |                            |               |
|---|--|--|---|--|--|----------------------------|---------------|
| 4 | Công ty cổ phần Pan Hulic                            | Công ty thành viên trong Tập đoàn Pan      | Số 5801302604, cấp lần đầu: ngày 26/02/2016, nơi cấp Sở KHĐT tỉnh Lâm Đồng, thay đổi lần 8, ngày 06/11/2023 | Xã Đinh Văn Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng                    |  | Cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 383.874.728   |
| 5 | Công ty cổ phần Giống cây trồng trung ương Quảng Nam | Công ty Thành viên trong Tập đoàn Vinaseed | Số 3303070178 do sở KHĐT tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20/3/2019      | Km 943, Quốc lộ 1A, Phường Điện Bàn Bắc, TP. Đà Nẵng |  | Cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 503.881.495   |
|   |  |  |   |  |  | Mua hàng hóa, dịch vụ      | 380.325.000   |
| 6 | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Vinaseed Hà Nội | Công ty Thành viên trong Tập đoàn Vinaseed | Số 0500437239 cấp lần đầu ngày 18/04/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 15/04/2024                      | Số 02 Phố Ba La, Phường Phú Lương, TP. Hà Nội        |  | Mua hàng hóa, dịch vụ      | 495.435.097   |
| 7 | Công ty TNHH Đầu tư và xuất nhập khẩu                | Công ty thành viên trong tập               | Số 1402184380 cấp lần đầu ngày 21/03/2023, Sở KHĐT Đồng Tháp  | Cụm Công nghiệp Trường Xuân, xã Trường Xuân,         |  | Cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 1.469.505.876 |
|   |  |  |   |  |  | Mua hàng hóa, dịch vụ      | 109.271.400   |

|   | nông sản Việt Nam                                       | đoàn Vinaseed                         |   | tỉnh Đồng Tháp   |  |  |  |
|---|---|---------------------------------------|---|--|--|--|--|
| 8 | Công ty cổ phần Thực phẩm Khang An                      | Công ty thành viên trong tập đoàn Pan | Số 2200780985, ngày cấp 19/08/2020, Sở KHĐT Sóc Trăng   | Đường N2, Lô B, KCN An Nghiệp, Xã An Ninh, TP. Cần Thơ |  |  | Cung cấp hàng hoá dịch vụ<br>4.059.822.000 |
| 9 | Chi nhánh Công ty cổ phần Khử Trùng Việt Nam tại TP.HCM | Công ty trong cùng Tập đoàn Pan       | Giấy Chứng Nhận ĐKDN số 0302327629 do Sở KHĐT TP.HCM cấp. Đăng ký lần đầu ngày 31/12/2001, Đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 15/05/2025. | 29 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh      |  |  | Mua hàng hóa, dịch vụ<br>1.116.829.500     |

- ✓ Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: **Không có**
- ✓ Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: **Không có**

#### **d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Quản trị công ty (QTCT) tại SSC được thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ nguyên tắc QTCT dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam, theo G20/OECD và Thẻ điểm QTCT của ASEAN. Cùng với đó, SSC cũng tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến QTCT, bao gồm Nghị định 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và Thông tư 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cũng thực hiện nhiệm vụ công bố thông tin đúng quy định cho cổ đông và nhà đầu tư thông qua trang web của SSC.

Năm 2025, SSC tiếp tục ứng dụng công nghệ vào công tác quản trị, đảm bảo tuân thủ và nâng cao hiệu quả xuyên suốt các mặt hoạt động. Cụ thể, Công ty sử dụng phần mềm kế toán Fast online phục vụ quản trị tài chính – kế toán; Phần mềm BES trong quản trị nhân sự, quản lý công việc và điều hành; Phần mềm DMS, CRM trong quản trị quan hệ khách hàng. Đồng thời, Công ty duy trì tổ chức Phòng Thử nghiệm Nông nghiệp nhằm đảm bảo quy định an toàn và quản trị chất lượng tham chiếu tiêu chuẩn ISO 17025, đảm bảo độ chính xác và tin cậy của kết quả thử nghiệm.

## **VI. Báo cáo phát triển bền vững**

### **1. Báo cáo liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

*“SSC luôn quyết tâm hành động hướng đến một nền nông nghiệp bền vững hơn, góp phần bảo vệ môi trường và cũng bảo vệ tương lai phát triển bền vững của doanh nghiệp.”*

Hoạt động triển khai các chính sách về môi trường của SSC do Ban Điều hành chịu trách nhiệm chính.

#### *Báo cáo tác động hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp đến môi trường*

SSC không chỉ tác động trực tiếp đến môi trường thông qua hoạt động lai tạo và nhân giống, mà còn ảnh hưởng gián tiếp đến hệ sinh thái đồng ruộng của nông dân. Cụ thể, các đặc tính của hạt giống do SSC cung cấp quyết định mức độ dư lượng hóa chất của giống gieo cấy, khả năng chống chịu sâu bệnh và nhu cầu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón trong canh tác. Điều này ảnh hưởng đến cân bằng hệ sinh thái đồng ruộng, chất lượng đất và nguồn nước tự nhiên, từ đó định hình mức độ bền vững của môi trường canh tác nông nghiệp. Chúng tôi đi cùng xu hướng hữu cơ hóa của nền nông nghiệp, dần hướng đến giảm phát thải nhà kính, tận dụng tối ưu nguồn nước canh tác, hạn chế khai thác quá mức môi trường đất dẫn đến thoái hóa hệ sinh thái tự nhiên. Nỗ lực phóng thích các thể hệ giống "xanh" có thể tác động tích cực trên diện rộng khi được bà con nông dân chung sức áp dụng.

Xuyên suốt quá trình hoạt động, chúng tôi luôn đề cao làm rõ, cam kết thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với môi trường sinh tự nhiên, bao gồm đất, nước, hệ sinh thái đồng ruộng. Chúng tôi kỳ vọng dùng hành động cụ thể, tạo ra giá trị thiết thực trên vùng canh tác của bà con và sinh sống của đồng bào địa phương.

## Chính sách liên quan đến tác động môi trường của công ty

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng trở nên cấp bách, các quốc gia, đặc biệt là những nước phát triển, đã đề ra các kế hoạch cụ thể để hướng tới mục tiêu trung hòa carbon vào năm 2050. Việt Nam cùng với các quốc gia khác đã triển khai kế hoạch huy động nguồn lực nhằm giải quyết nhu cầu cấp bách và thúc đẩy chuyển đổi năng lượng theo hướng công bằng và bền vững. Các chính sách cụ thể như phát triển hệ thống truyền tải điện thông minh, giảm phát thải và việc tham gia tích cực vào Quỹ Tồn thất và Thiệt hại đã tạo dấu ấn quan trọng, báo hiệu bước ngoặt trong việc kết thúc kỷ nguyên nhiên liệu hóa thạch và khẳng định cam kết toàn cầu đối phó với biến đổi khí hậu. Tuân thủ theo định hướng phát triển của cả nước, trong năm 2025 Công ty đã áp dụng vào quy trình sản xuất và kinh doanh:

### Giảm phát thải nhà kính (GHG)

SSC đưa ra đề án “Phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030” nhằm giảm phát thải nhà kính (GHG) thông qua nỗ lực tinh gọn quy trình vận hành và tối ưu hóa chất lượng tại từng bộ phận, đồng thời thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị, tránh tình trạng rò rỉ chất thải khí, ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và khu vực xung quanh các chi nhánh.

Ngoài việc áp dụng công nghệ cơ giới hóa, công nghệ số vào sản xuất, quản lý tốt phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... thì yếu tố cực kỳ quan trọng mà SSC rất quan tâm là chọn lựa bộ giống phù hợp với biến đổi khí hậu, ổn định năng suất và chất lượng, giảm phát thải do giảm lượng giống gieo sạ, nhưng đảm bảo yếu tố đầu ra là gạo thơm ngon, mang lại giá trị kinh tế cao cho bà con nông dân. Công ty cho ra mắt giống lúa lai KCR06-1 giúp nông dân giảm lượng giống gieo sạ đáng kể, chỉ cần lượng giống 40-50 kg/ha so với mức 100-200 kg/ha của các giống lúa khác, kỳ vọng sẽ là điểm bứt phá trong cách mạng nông nghiệp xanh ở Việt Nam.

### Quản lý nguyên vật liệu

SSC xây dựng hệ thống quản lý nguyên vật liệu xuyên suốt các khâu từ nghiên cứu chọn tạo giống cho đến liên kết nông dân cuối cùng nhân rộng giống trong khâu sản xuất và đóng gói sản phẩm. Tổng lượng nguyên vật liệu được Công ty sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm:... Trong đó, phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất:

Các rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp phát sinh trong quá trình đóng gói, vận chuyển và chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động được Công ty xử lý cụ thể như sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, phân loại và xử lý theo đúng quy định hiện hành. Công ty thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong khuôn viên làm việc, khu vực ăn uống và sinh hoạt của người lao động.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chủ yếu là bao bì đóng gói. Công ty đã cải tiến quy trình sản xuất bằng cách sử dụng bao bì có thể tái sử dụng nhiều lần và bao bì tự phân hủy trong môi trường tự nhiên, góp phần giảm thiểu lượng chất thải phát sinh và tác động đến môi trường.

Chất thải nguy hại: SSC hướng đến giảm dư lượng chất hóa học trong hạt giống, hạn chế ảnh hưởng đến môi trường đất tự nhiên. Để đạt được mục tiêu trên, SSC đã áp dụng kỹ thuật trồng trọt như cây mạ non, cây một danh, cây thưa, quản lý nước, làm cỏ sục bùn, bón phân hữu cơ, điều tiết nước hợp lý,... giúp làm giảm nhu cầu diệt trừ sâu bệnh trong chu trình nhân giống. Đồng thời,

chúng tôi sử dụng phân bón thông minh chậm phân hủy, thuốc bảo vệ thực vật gốc sinh học thế hệ mới, giảm tồn dư thuốc BVTV và hàm lượng Nitorat trong sản phẩm. SSC hướng đến giảm áp lực sử dụng thuốc BVTV trong canh tác. Điều này được thực hiện bằng cách nghiên cứu thế hệ giống có sức đề kháng tốt hơn trước một số loại sâu bệnh nhất định, xử lý hạt giống sạch mầm bệnh trước khi đóng gói phân phối ra thị trường.

### Tiêu thụ năng lượng điện

- Sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

SSC đã thực hiện hàng loạt biện pháp tiết kiệm năng lượng, chẳng hạn như thay thế đèn huỳnh quang bằng hệ thống chiếu sáng LED hiện đại và ứng dụng các thiết bị máy móc tiên tiến nhằm tối ưu hóa quy trình sản xuất. Công ty luôn theo dõi sát sao hoạt động của máy móc, hệ thống điều hòa và thực hiện bảo trì, vệ sinh định kỳ để đảm bảo không lãng phí năng lượng, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất. Bên cạnh đó, SSC chú trọng xây dựng các nhà xưởng với thiết kế thông minh, tận dụng tối đa nguồn ánh sáng và thông gió tự nhiên, góp phần giảm thiểu tiêu hao năng lượng và tạo môi trường làm việc thân thiện. Đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các nguồn năng lượng tái tạo như điện mặt trời và điện gió với kỳ vọng giảm chi phí, thúc đẩy sự phát triển bền vững, cải thiện chất lượng sản phẩm. Trong năm 2025, tổng điện năng tiêu thụ của Công ty là 2.228.009 kw, bao gồm năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp lẫn lộn

### Tiêu thụ nước

SSC áp dụng hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI) làm giảm lượng nước tưới so với phương pháp truyền thống, tiêu thụ và xử lý tái chế nước thải bên trong quy trình vận hành của Công ty. Các đường ống dẫn nước được Công ty chú trọng bảo dưỡng định kỳ, tránh hiện tượng rò rỉ nước, lãng phí nguồn nước. Bên cạnh đó, SSC xây dựng văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp, phổ biến đến từng cán bộ nhân viên ảnh hưởng tiêu cực của tiêu thụ nước lãng phí lên môi trường, nâng cao ý thức sử dụng hợp lý.

- Năm 2025, Công ty sử dụng nguồn cung cấp nước từ sản xuất và sinh hoạt, ghi nhận lượng nước tiêu thụ là 386.649 m<sup>3</sup>. Trong đó, tổng lượng nước được tái chế và tái sử dụng là 183.634 m<sup>3</sup>.
- SSC xây dựng hệ thống nước riêng, tiêu thụ và xử lý tái chế nước thải bên trong quy trình vận hành của Công ty. Các đường ống dẫn nước được Công ty chú trọng bảo dưỡng định kỳ, tránh hiện tượng rò rỉ nước, lãng phí nguồn nước.
- Hệ thống xử lý rác thải của doanh nghiệp được xây dựng và vận hành theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về xử lý chất thải rắn.

Để tích hợp hiệu quả các giải pháp này vào chu trình sản xuất, SSC liên tục theo dõi hiệu suất, đánh giá lợi ích thực tế và xây dựng kế hoạch triển khai một cách hoàn chỉnh nhất. Chúng tôi cũng đảm bảo tuân thủ nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định về môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 số 72/2020/QH14, không có bất cứ sai phạm về môi trường.

## **2. Báo cáo liên quan đến người lao động**

Sự bền vững của doanh nghiệp SSC được đặt trên nền tảng phát triển của đội ngũ cán bộ công nhân viên, vì vậy Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm đào tạo, cải thiện phúc lợi và đảm bảo môi trường làm việc an toàn và gắn kết giữa người lao động.

Chính sách đào tạo, phúc lợi đối với người lao động

- Chính sách nhân sự được đề cập cập nhật và hoàn thiện, cụ thể SSC thực hiện chính sách nhân sự qua 4 kênh: chính sách tuyển dụng, chính sách đào tạo, chế độ làm việc và chính sách lương thưởng phúc lợi. Trong năm 2024, SSC đã thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với người lao động. Đối với chính sách tuyển dụng, các tin tức vị trí công việc được Công ty công bố công khai, minh bạch, chính xác, thực tế trên website Công ty; đồng thời quy trình tuyển dụng đảm bảo tính chuyên nghiệp, linh hoạt; đặc biệt Công ty chú trọng tuyển dụng các vị trí trong Trung tâm nghiên cứu, phù hợp với định hướng kinh doanh trong quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp. Đối với chính sách đào tạo, SSC luôn khuyến khích người lao động học tập không ngừng, gia tăng kỹ năng quản lý, tạo cơ hội cho nhân sự thăng tiến trong tương lai.
- Đối với chế độ làm việc, SSC đảm bảo người lao động được làm việc trong môi trường an toàn vệ sinh lao động, thực hiện đóng BHYT, BHXH, BHTN đầy đủ cho CBCNV, thực thi nghiêm chỉnh các quy định trong Bộ Luật Lao động 2019 mới nhất.
- Đối với chính sách lương thưởng và phúc lợi, SSC xây dựng bậc lương gắn liền với vị trí công hiến, đánh giá lương dựa trên kết quả công việc, song song đó xác định lộ trình tăng lương và rõ ràng con đường sự nghiệp, tạo động lực để người lao động cố gắng từng ngày.

Hoạt động đào tạo người lao động trong năm 2025:

| STT              | Phân loại                                  | Số lượng CBCNV tham gia đào tạo | Số giờ đào tạo trung bình (ĐVT: Giờ/Người) |
|------------------|--|---------------------------------|--|
| <b>I</b>         | <b>Theo trình độ lao động</b>              |                                 |  |
| 1                | Trình độ Đại học và trên Đại học           | 171                             | 6  |
| 2                | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 30                              | 6  |
| 3                | Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật               | 08                              | 6  |
| 4                | Lao động phổ thông                         | 111                             | 6  |
| <b>II</b>        | <b>Theo hợp đồng lao động</b>              |                                 |  |
| 1                | Toàn thời gian                             | 225                             | 6  |
| 2                | Bán thời gian                              | 95                              | 6  |
| <b>III</b>       | <b>Theo giới tính</b>                      |                                 |  |
| 1                | Nam  | 233                             | 6  |
| 2                | Nữ   | 87                              | 6  |
| <b>Tổng cộng</b> |  | <b>320</b>                      |  |

Năm 2025, Công ty Giống cây trồng miền Nam (SSC) đã tổ chức đào tạo cho **320 CBCNV**, với **số giờ đào tạo trung bình 6 giờ/người**. Hoạt động đào tạo được triển khai cho nhiều đối tượng, từ lao động phổ thông đến cán bộ có trình độ đại học trở lên, bao gồm cả lao động toàn thời gian và bán thời gian. Việc đào tạo được thực hiện đồng đều theo giới tính và trình độ, thể hiện cam kết của công ty trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất và phát triển bền vững.

## Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn của người lao động

Môi trường làm việc của người lao động được đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về điều kiện làm việc. SSC luôn thực hiện đầy đủ các biện pháp, phương tiện phòng ngừa các tổn hại về sức khỏe và nguy cơ mất an toàn đối với người lao động. Hành động cụ thể có thể kể đến như:

- Đối với các công việc tiếp xúc thường xuyên với hóa chất độc hại, cháy nổ, hoặc tồn tại nguy cơ tai nạn lao động, CBNV phải được cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân, tham gia các khóa đào tạo, tập huấn an toàn lao động, thực hành biện pháp xử lý khẩn cấp khi tiếp xúc, và cách xử lý rác thải hóa chất trước khi thải ra môi trường.
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì, thay thế kịp hệ thống máy móc vận hành, giảm thiểu rủi ro xảy ra sự cố.
- Xây dựng và phổ biến phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp nhằm giảm thiểu tối đa tổn thất về người và tài sản khi sự cố phát sinh.

### **3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

*SSC đồng hành cùng bà con từ đồng lúa đến tương lai.*

Đời sống thịnh vượng của người nông dân là mục tiêu, cũng là nguyên nhân cho sự phát triển của SSC. Do đó, bên cạnh việc phấn đấu trở thành thương hiệu Việt cung cấp giống cây trồng giá cả ổn định, chất lượng, chúng tôi còn nêu cao tinh thần trọng nghĩa, đoàn kết làm nên sức mạnh, cùng nhà nông vượt khó, cùng nhà nông làm giàu.

Công ty cũng tích cực đào tạo, hướng dẫn nông dân về kỹ thuật canh tác tiên tiến, góp phần xây dựng một nền nông nghiệp hiện đại, giảm phụ thuộc vào hóa chất và gia tăng giá trị sinh thái lâu dài cho đồng ruộng.

### **4. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh**

Trong những năm gần đây, việc phát triển thị trường vốn xanh đã được triển khai mạnh mẽ bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Đây là hoạt động phát hành những loại giấy tờ có giá với mục đích huy động vốn cho các chính sách, kế hoạch sản xuất xanh và hoạt động liên quan đến môi trường của từng doanh nghiệp. Bằng cách phát hành báo cáo ESG (Tác động về Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp), các doanh nghiệp có thể kỹ thuật hóa các quy định liên quan đến yếu tố môi trường, xã hội và con người, xác định các cơ hội và thách thức để đóng góp vào mục tiêu phát triển xanh.

Là một trong những doanh nghiệp lâu năm trong ngành, SSC luôn cập nhật và theo dõi các tin tức mà Ủy ban Chứng khoán công bố, từ đó có những chỉnh sửa chính sách quản trị nội bộ cho phù hợp, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty cũng luôn cải tiến các chính sách hoạt động của Công ty theo hướng “sản xuất xanh”, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

## **VII. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

### **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Trần Trương Lân Lợi*

Số: 087/ VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát  
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)**

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

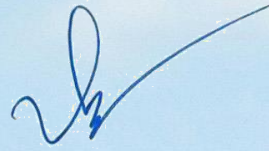
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Luân Linh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3001-2024-001-1



**Hoàng Lê Thu Phương**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5603-2025-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 27 tháng 3 năm 2026  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

11011  
→  
E  
11011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

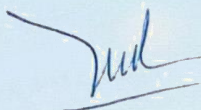
| TÀI SẢN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    | <b>100</b> |             | <b>312.888.081.720</b> | <b>320.398.075.041</b> |
| <b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>5</b>    | <b>30.656.553.080</b>  | <b>13.329.545.276</b>  |
| 1. Tiền                                       | 111        |             | 28.156.553.080         | 13.329.545.276         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                 | 112        |             | 2.500.000.000          | -                      |
| <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> |             | <b>137.392.982.461</b> | <b>190.827.915.881</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng           | 131        | 6           | 30.068.863.653         | 44.110.191.565         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn           | 132        | 7           | 2.817.869.588          | 9.257.658.968          |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn               | 135        | 34          | 100.000.000.000        | 130.000.000.000        |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác                     | 136        | 8           | 5.803.364.400          | 8.957.836.897          |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi         | 137        | 9           | (1.297.115.180)        | (1.497.771.549)        |
| <b>III. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>10</b>   | <b>143.833.017.852</b> | <b>115.014.642.142</b> |
| 1. Hàng tồn kho                               | 141        |             | 152.231.497.598        | 120.736.314.937        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho             | 149        |             | (8.398.479.746)        | (5.721.672.795)        |
| <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>1.005.528.327</b>   | <b>1.225.971.742</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                 | 151        | 11          | 634.530.819            | 1.225.971.742          |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước   | 153        | 18          | 370.997.508            | -                      |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     | <b>200</b> |             | <b>197.174.998.281</b> | <b>206.259.982.460</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>          | <b>210</b> |             | <b>819.714.000</b>     | <b>824.714.000</b>     |
| 1. Phải thu dài hạn khác                      | 216        |             | 819.714.000            | 824.714.000            |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b> |             | <b>90.227.535.285</b>  | <b>97.722.532.425</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 221        | 12          | 46.201.080.631         | 52.280.095.439         |
| - Nguyên giá                                  | 222        |             | 200.170.016.228        | 194.789.881.445        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 223        |             | (153.968.935.597)      | (142.509.786.006)      |
| 2. Tài sản cố định vô hình                    | 227        | 13          | 44.026.454.654         | 45.442.436.986         |
| - Nguyên giá                                  | 228        |             | 56.965.334.468         | 56.965.334.468         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 229        |             | (12.938.879.814)       | (11.522.897.482)       |
| <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>           | <b>240</b> |             | <b>-</b>               | <b>2.921.000.000</b>   |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 242        |             | -                      | 2.921.000.000          |
| <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b> | <b>14</b>   | <b>99.000.000.000</b>  | <b>99.000.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                     | 251        |             | -                      | 3.349.764.000          |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết                | 252        |             | 99.000.000.000         | 99.000.000.000         |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn          | 254        |             | -                      | (3.349.764.000)        |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                | <b>260</b> |             | <b>7.127.748.996</b>   | <b>5.791.736.035</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 261        | 11          | 4.264.497.305          | 2.417.061.729          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại             | 262        | 15          | 2.863.251.691          | 3.374.674.306          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>        | <b>270</b> |             | <b>510.063.080.001</b> | <b>526.658.057.501</b> |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

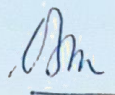
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            |                        |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>   | <b>300</b> |             | <b>143.971.743.229</b> | <b>143.630.658.708</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>   | <b>310</b> |             | <b>143.971.743.229</b> | <b>143.630.658.708</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 311        | 16          | 5.045.318.836          | 3.853.410.559          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          | 312        | 17          | 10.145.634.160         | 2.337.082.703          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 313        | 18          | 15.137.415.202         | 1.356.067.048          |
| 4. Phải trả người lao động                                    | 314        |             | 796.631.734            | 481.520.522            |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 315        | 19          | 11.427.225.877         | 10.511.480.778         |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 319        | 20          | 101.390.853.469        | 101.798.544.774        |
| 7. Vay ngắn hạn   | 320        | 21          | -                      | 23.170.608.010         |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                  | 322        |             | 28.663.951             | 121.944.314            |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      | <b>400</b> | <b>22</b>   | <b>366.091.336.772</b> | <b>383.027.398.793</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>410</b> |             | <b>366.091.336.772</b> | <b>383.027.398.793</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                     | 411        |             | 149.923.670.000        | 149.923.670.000        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       | 412        |             | 8.520.414.412          | 8.520.414.412          |
| 3. Cổ phiếu quỹ   | 415        |             | (116.847.528.444)      | (116.847.528.444)      |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển                                      | 418        |             | 145.411.924.190        | 141.160.027.711        |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          | 421        |             | 179.082.856.614        | 200.270.815.114        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 166.733.995.219        | 160.090.393.391        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 12.348.861.395         | 40.180.421.723         |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b><br>(440=300+400)                   | <b>440</b> |             | <b>510.063.080.001</b> | <b>526.658.057.501</b> |



Ma Hoàng Kim Trang  
 Người lập biểu



Lê Tôn Hùng  
 Kế toán trưởng



Trần Trương Tấn Tài  
 Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

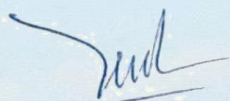
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

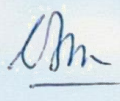
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                  | 01    | 24          | 305.120.029.422        | 396.258.527.121        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu  | 02    | 24          | 2.129.239.675          | 8.195.925.258          |
| 3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>       | 10    | 24          | <b>302.990.789.747</b> | <b>388.062.601.863</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán  | 11    | 25          | 215.560.930.508        | 276.874.913.721        |
| 5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>         | 20    |             | <b>87.429.859.239</b>  | <b>111.187.688.142</b> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính   | 21    | 27          | 6.932.667.294          | 7.713.545.534          |
| 7. Chi phí tài chính   | 22    | 28          | 3.864.814.464          | 2.824.430.036          |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay  | 23    |             | 3.857.576.321          | 2.713.851.582          |
| 8. Chi phí bán hàng  | 25    | 29          | 27.839.234.299         | 25.786.761.294         |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 26    | 29          | 37.942.909.697         | 37.582.558.718         |
| 10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b> | 30    |             | <b>24.715.568.073</b>  | <b>52.707.483.628</b>  |
| 11. Thu nhập khác  | 31    | 30          | 5.567.886.403          | 6.092.630.439          |
| 12. Chi phí khác   | 32    | 30          | 9.728.545.090          | 4.801.216.724          |
| 13. <b>(Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>                                  | 40    |             | <b>(4.160.658.687)</b> | <b>1.291.413.715</b>   |
| 14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>                    | 50    |             | <b>20.554.909.386</b>  | <b>53.998.897.343</b>  |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                           | 51    | 31          | 6.193.015.233          | 10.809.249.542         |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                            | 52    | 31          | 511.422.615            | 670.683.015            |
| 17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>          | 60    |             | <b>13.850.471.538</b>  | <b>42.518.964.786</b>  |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu   | 70    | 32          | 930                    | 2.821                  |

11/3/2026 KI DE 11/3/26



**Ma Hoàng Kim Trang**  
Người lập biểu



**Lê Tôn Hùng**  
Kế toán trưởng



**Trần Trương Tấn Tài**  
Tổng Giám đốc

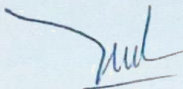
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

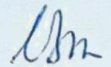
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Năm nay           | Năm trước         |
|--|-------|-------------------|-------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |       |                   |                   |
| 1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>   | 01    | 20.554.909.386    | 53.998.897.343    |
| Khấu hao tài sản cố định   | 02    | 12.875.131.923    | 13.985.097.571    |
| Các khoản dự phòng   | 03    | 2.476.150.582     | 276.153.240       |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi) từ hoạt động đầu tư | 04    | (34.829)          | (658.500)         |
| Chi phí lãi vay  | 05    | (6.454.310.598)   | (7.993.804.045)   |
| Chi phí lãi vay  | 06    | 3.857.576.321     | 2.713.851.582     |
| 2. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>  | 08    | 33.309.422.785    | 62.979.537.191    |
| Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09    | 22.707.200.538    | (11.879.132.671)  |
| Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10    | (31.495.182.661)  | (47.119.765.565)  |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)                 | 11    | 16.901.619.232    | (25.006.798.837)  |
| Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12    | (1.255.994.653)   | (259.522.504)     |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14    | (3.857.576.321)   | (2.713.851.582)   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15    | (1.614.968.442)   | (21.765.401.194)  |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17    | (2.657.864.626)   | (7.933.743.723)   |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>   | 20    | 32.036.655.852    | (53.698.678.885)  |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |       |                   |                   |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                                      | 21    | (1.487.700.809)   | (6.928.194.269)   |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác  | 22    | -                 | 819.000.000       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác  | 23    | -                 | (13.000.000.000)  |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác  | 24    | 30.000.000.000    | 38.000.000.000    |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   | 27    | 6.474.547.942     | 17.539.846.239    |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>   | 30    | 34.986.847.133    | 36.430.651.970    |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |       |                   |                   |
| 1. Tiền thu từ đi vay  | 33    | 173.732.400.175   | 187.177.909.102   |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay   | 34    | (196.903.008.185) | (164.007.301.092) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36    | (26.525.922.000)  | (39.788.883.000)  |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>  | 40    | (49.696.530.010)  | (16.618.274.990)  |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>   | 50    | 17.326.972.975    | (33.886.301.905)  |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm   | 60    | 13.329.545.276    | 47.215.188.681    |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ  | 61    | 34.829            | 658.500           |
| <i>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</i>   | 70    | 30.656.553.080    | 13.329.545.276    |

  
Ma Hoàng Kim Trang  
Người lập biểu

  
Lê Tôn Hùng  
Kế toán trưởng

  
Trần Trương Tấn Tài  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



A MEMBER OF VINASEED GROUP

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM**

282, Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hoà, TP.HCM

(84.28) 3844.2414

[www.ssc.com.vn](http://www.ssc.com.vn)